ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIẢNG VIÊN LÍ LUẬN CHÍNH TRỊ

LÂM THỊ HỒNG LOAN

PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở TỈNH NINH BÌNH

LUẬN VĂN THẠC SỸ CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Hà Nội - 2012

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG GIẢNG VIÊN LÍ LUẬN CHÍNH TRỊ

LÂM THỊ HỒNG LOAN

PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở TỈNH NINH BÌNH

Luận văn thạc sĩ chuyên ngành: Kinh tế chính trị
Mã số: 60 31 01

Người hướng dẫn khoa học: TS. VŨ ĐỨC THANH

Hà Nội - 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn tài "**Phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình"** là quá trình nghiên cứu nghiêm túc của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của TS. Vũ Đức Thanh. Những ý kiến, nhận định khoa học tiếp nhận của người khác đều được ghi chú xuất sứ đầy đủ.

Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực, chuẩn xác của nội dung luận văn.

Hà Nội, ngày tháng năm 2012

Tác giả

Lâm Thị Hồng Loan

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT..... 6
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU..... 7
MỞ ĐẦU..... 8
CHƯƠNG 1:CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG..... 14
1.1. Những vấn đề lý luận về du lịch..... 14
1.1.1. Khái niệm du lịch và các loại hình du lịch…….. 14
1.1.2. Những yếu tố ảnh hưởng tới phát triển du lịch…… 20
1.1.3. Vai trò của du lịch..... 22
1.1.4. Kinh nghiệm phát triển du lịch của một số nước Đông Nam Á và một số tỉnh thành ở Việt Nam ……... 24
1.2. Phát triển du lịch và phát triển du lịch bền vững…… 34
1.2.1. Phát triển du lịch…….. 34
1.2.2. Phát triển du lịch bền vững…….. 36
CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở TỈNH NINH BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2000-2011..... 45
2.1. Tiềm năng phát triển du lịch Ninh Bình..... 45
2.1.1. Vị trí địa lý, địa hình, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu..... 45
2.1.2. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội…….. 47
2.1.3. Truyền thống văn hoá - lịch sử của vùng đất cố đô Hoa Lư… 49
2.1.4. Giá trị văn hoá tâm linh - Phật giáo và Thiên chúa giáo…… 54
2.2. Thực trạng phát triển du lịch theo hướng bền vững ở Ninh Bình……. 55
2.2.1. Tình hình tăng trưởng…….. 55

2.2.2. Tình hình giải quyết các vấn đề xã hội……. 61
2.3. Đánh giá chung về tình hình phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2000 – 2011……... 63
2.3.1. Những thành công chủ yếu……... 63
2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân……... 67
CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở TỈNH NINH BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2012-2020…… 69
3.1. Quan điểm, phương hướng và mục tiêu phát triển du lịch ở tỉnh Ninh Bình đến năm 2020……... 69
3.1.1. Quan điểm phát triển du lịch ở Ninh Bình……... 69
3.1.2. Phương hướng, mục tiêu……... 69
3.2. Một số giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới…… 71
3.2. 1.Hoàn chỉnh công tác quy hoạch, đồng thời tổ chức, quản lý và thực hiện quy hoạch ……... 71
3.2.2. Quan tâm đến cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư du lịch 73
3.2.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá du lịch…….. 75
3.2.4. Bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch……. 76
3.2.5. Phát triển cơ sở hạ tầng……... 78
3.2.6. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển du lịch……... 79
KẾT LUẬN……. 81
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO…….. 84

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

1. CNH-HĐH : Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
2. DLBV : Du lịch bền vững
3. ĐH : Đại học
4. KH-CN : Khoa học công nghệ
5. KT- XH : Kinh tế - xã hội
6. UBND : Uỷ ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

STT	Nội dung	Số trang
1	Bảng 2.1. Bảng số lượng cơ sở lưu trú tại Ninh Bình từ năm 2000-2011	48
2	Bảng 2.2. Chất lượng nguồn lao động ngành du lịch Ninh Bình giai đoạn 2000-2011	50
3	Bảng 2.3. Tình hình khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn 2000-2011	51
4	Bảng 2.4. Số ngày lưu trú của khách du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2000- 2011	53
5	Bảng 2.5. Doanh thu ngành du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2000- 2011	54

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Ngày nay cùng với xu hướng toàn cầu hoá, du lịch đã trở thành một ngành kinh tế phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Du lịch đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội, du lịch góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, tăng thu ngoại tệ, cân bằng cán cân thanh toán, cải thiện kết cấu hạ tầng, tạo việc làm và nâng cao mức sống cho người dân. Nhận thức được tầm quan trọng của du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Đảng và Nhà nước ta đã nêu rõ quan điểm về phát triển du lịch là: Huy động mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng cả nước và của từng địa phương, tăng đầu tư phát triển du lịch để đảm bảo du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, trên nguyên tắc: phát triển bền vững theo quy hoạch, đảm bảo hài hoà giữa kinh tế, xã hội và môi trường, phát triển có trọng tâm, trọng điểm theo hướng du lịch văn hoá - lịch sử, du lịch sinh thái, bảo tồn tôn tạo, phát huy giá trị của tài nguyên du lịch. Đó cũng là chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng các ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Ninh Bình là một tỉnh nằm ở cực Nam của vùng Đồng bằng sông Hồng, cách trung tâm thủ đô Hà Nội hơn 90 km về phía Nam. Đây là nơi tiếp nối giao lưu kinh tế và văn hoá giữa khu vực châu thổ sông Hồng với Bắc Trung Bộ, giữa vùng đồng bằng Bắc Bộ với vùng rừng núi Tây Bắc. Về lợi thế, Ninh Bình có tiềm năng to lớn về phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển du lịch. Với tiềm năng du lịch rất lớn, nhiều danh lam, thắng cảnh và di tích lịch sử văn hoá nổi tiếng, Ninh Bình được xác định là một trong 16 khu du lịch trọng điểm toàn quốc, một trung tâm du lịch của vùng duyên hải Bắc Bộ. Năm 2009, lượng khách du lịch đến Ninh Bình thống

kê được là 2.400.000 trong đó khách quốc tế hơn 600.000 lượt. Năm 2011 lượt khách du lịch đến Ninh Bình là 3.600.000 lượt, trong đó khách quốc tế 667.440 lượt.

Tuy nhiên, trong thực tế phát triển du lịch Ninh Bình những năm qua còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Các kế hoạch phát triển còn tự phát mang tính tự phát, duy ý chí; quy hoạch chưa đồng bộ nên hiệu quả chưa cao; hoạt động du lịch chủ yếu vẫn là khai thác thiên nhiên, cơ sở hạ tầng hạn chế; việc khai thác cảnh quan, di tích còn nhiều bất cập, môi trường ô nhiễm ... Nhận rõ tình hình đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIX đã chỉ rõ: "thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ, du lịch và xuất khẩu để khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của tỉnh, coi kinh tế du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch". Đến Nghị quyết Đại hội lần thứ XX nhấn mạnh trong những năm tới phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, chú trọng công tác quy hoạch, công tác quản lý nhà nước về du lịch, đảm bảo hài hoà giữa phát triển du lịch với văn hoá, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nghiên cứu cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển hạ tầng du lịch, dịch vụ du lịch, đưa Ninh Bình trở thành một trong những trung tâm du lịch trọng điểm của cả nước.

Xây dựng và phát triển du lịch Ninh Bình trở thành ngành kinh tế mũi nhọn cũng có nghĩa là phải khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của Ninh Bình, thực hiện phát triển bền vững để du lịch Ninh Bình đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như cả nước.

Xuất phát từ tình hình nói trên, đề tài "**Phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình"** được lựa chọn làm đề tài nghiên cứu của luận văn thạc sỹ chuyên ngành kinh tế chính trị.

2. Tình hình nghiên cứu:

Từ thập niên 90 trở lại đây, đề tài về Du lịch bắt đầu được quan tâm nghiên cứu ở Việt Nam. Kể từ đó đã xuất hiện nhiều công trình khoa học, luận án, luận văn, nghiên cứu vấn đề du lịch ở các khía cạnh khác nhau, gồm:

Một số công trình khởi đầu và cũng là nền tảng cho nghiên cứu và phát triển du lịch như:

- Dự án VIE/ 89/ 003 về Kế hoạch chỉ đạo phát triển du lịch Việt Nam do tổ chức Du Lịch Thế Giới (OMT) thực hiện.

- Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam giai đoạn 1995 – 2000 - Viện Nghiên Cứu Phát Triển Du Lịch, 1994…

Nhóm các giáo trình, sách chuyên khảo như:

- Giáo trình" Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch", Đinh Trung Kiên (2003), NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội;

- Giáo trình" Kinh tế Du lịch"của GS.TS Nguyễn Văn Đính, NXB Trường Đại học Văn hoá Hà Nội;

- Giáo trình" Thống kê Du lịch"của Nguyễn Cao Thường và Tô Hải Đăng, NXB Thống kê – 2008;

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ năm 2005 của TS. Nguyễn Văn Mạnh về" Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái tại Ninh Bình".

- "Một số vấn đề về du lịch Việt Nam"của Đinh Trung Kiên, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;

- "Quy hoạch Du lịch"của Bùi Thị Hải Yến;

- Quy hoạch phát triển bền vững Du lịch TP Huế đến năm 2020, của nhóm soạn thảo: Chuyên gia Tây Ban Nha và Chuyên gia Việt Nam;

- "Tài nguyên du lịch"của Bùi Thị Hải Yến, NXB Giáo dục;

-" Tổng quan du lịch"của TS. Trần Nhoãn, NXB Trường Đại học Văn hoá Hà Nội;

Nhóm các đề tài là luận văn, luận án như: Luận văn thạc sỹ kinh tế của Trần Quốc Nhật, 1995," Phát triển kinh tế du lịch của tỉnh Vĩnh Phúc - tiềm năng và giải pháp", Luận văn thạc sỹ của Phạm Xuân Thu, 1995," Phát triển kinh tế du lịch ở Nghệ An", Luận văn thạc sỹ của Nguyễn Đình Sản, 2007," Phát triển kinh tế du lịch ở vùng du lịch Bắc Bộ và tác động của nó đối với quốc phòng - an ninh", ...

Nhóm các bài viết về du lịch của tỉnh Ninh Bình như:

- Đánh giá một số tác động của du lịch đến sự phát triển kinh tế ở Ninh Bình;
- Du lịch Ninh Bình hướng tầm nhìn 2020;
- Phát triển du lịch Ninh Bình trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Thực trạng phát triển các loại hình kinh doanh du lịch nông thôn ở tỉnh Ninh Bình;
- Thực trạng giá cả sản phẩm dịch vụ du lịch tại một số điểm du lịch chính ở tỉnh Ninh Bình;
- Khai thác tiềm năng phát triển du lịch văn hoá tại tỉnh Ninh Bình.

Các tài liệu đã cung cấp thực trạng, giải pháp phát triển một số loại hình kinh doanh du lịch. Nhưng hiện nay chưa có một tài liệu hoàn chỉnh nào nghiên cứu về phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình. Việc nghiên cứu du lịch hướng tới phát triển bền vững và cách tiếp cận có hệ thống, toàn diện trên cơ sở phương pháp luận du lịch và phát triển bền vững nhằm xây dựng các giải pháp tối ưu cho phát triển du lịch bền vững ở Ninh Bình là rất cấp thiết và có ý nghĩa thực tế.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

** Mục đích nghiên cứu:*

Đề xuất các giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình.

** Nhiệm vụ nghiên cứu:*

Hệ thống hoá cơ sở lý luận cơ bản về du lịch và phát triển du lịch bền vững.

Nghiên cứu khái quát một số kinh nghiệm phát triển du lịch theo hướng bền vững ở một số địa phương trong nước và ở Việt Nam.

Khảo sát, nghiên cứu các nguồn tài nguyên, nguồn lực và điều kiện phát triển du lịch bền vững, trên cơ sở đó làm rõ những lợi thế và khó khăn đối với việc phát triển du lịch của Ninh Bình.

Phân tích thực trạng, đánh giá những thành công và hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2012 - 2020.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu: Phát triển du lịch theo hướng bền vững.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu thực trạng phát triển du lịch Ninh Bình trong giai đoạn 2000 - 2011, và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững du lịch trong giai đoạn 2012 - 2020.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Luận văn sử dụng phương pháp luận cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin là duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Đồng thời, kết hợp với một số phương pháp khác như phương pháp như trừu tượng hoá khoa học, kết hợp phân tích và tổng hợp, thống kê, so sánh, dự báo xu thế tổng hợp ... phù hợp với mục đích nghiên cứu.

6. Những đóng góp của luận văn:

- Đánh giá thực trạng phát triển du lịch ở Ninh Bình trong giai đoạn 2000-2011

- Đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn tới.

7. Bố cục của luận văn:

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục Tài liệu tham khảo, nội dung luận văn được cấu trúc thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về sự phát triển du lịch theo hướng bền vững.

Chương 2: Tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2000-2011

Chương 3: Quan điểm, phương hướng mục tiêu và một số giải pháp phát triển DL ở tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2012-2020

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

1.1. Những vấn đề lý luận về du lịch.

1.1.1. Khái niệm du lịch và các loại hình du lịch

**** Khái niệm du lịch***

Hoạt động du lịch đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử phát triển của loài người, từ xa xưa, con người đã luôn có tính tò mò muốn tìm hiểu thế giới xung quanh, bên ngoài nơi sinh sống của họ. Con người luôn muốn biết những nơi khác có cảnh quan ra sao, muốn biết về các dân tộc, nền văn hoá, các động vật, thực vật, địa hình ở những vùng khác hay quốc gia khác. Lúc đầu con người quan niệm rất đơn giản về du lịch. Họ cho rằng du lịch là đi chơi, đi dã ngoại. Một số học giả lại cho rằng thuật ngữ "du lịch"trong ngôn ngữ nhiều nước bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp "*tornos"* với nghĩa là đi một vòng. Thuật ngữ này được La tinh hóa thành "*Tornos"*. Một số học giả cho rằng thuật ngữ "du lịch" trong ngôn ngữ nhiều nước bắt nguồn từ gốc tiếng Pháp "*le tour"*- có nghĩa là một chuyển động vòng, là một cuộc hành trình đi đến một nơi nào đó và quay trở lại. Thuật ngữ đó sang tiếng Anh thành "*tourism"*, sang tiếng Nga thành "*mypuzn"*... Như vậy, khái niệm "du lịch" ở các nước Pháp, Anh, Nga, Tây Ban Nha … có ý nghĩa đầu tiên là khởi hành, đi lại, chinh phục không gian. Người Đức sử dụng từ "*der Fremden verkelirs"* là tổ hợp ba từ có nghĩa là ngoại (lạ), giao thông (đi lại) và mối quan hệ. Như vậy, họ nhìn nhận" du lịch"như là mối quan hệ, sự đi lại hay vận chuyển của những người đi du lịch. Trong tiếng Việt, thuật ngữ du lịch được dịch thông qua tiếng Hán là từ ghép "du" là đi chơi, đi dạo và "lịch" là lịch lãm, hiểu biết, từng trải. Du lịch là biểu thị việc đi chơi của khách hàng nhằm tăng thêm hiểu biết, từng trải. Du lịch là biểu thị việc đi chơi của khách nhằm tăng thêm

hiểu biết, tích lũy kiến thức. Bản thân khái niệm" du lịch"có ý nghĩa đầu tiên là sự khởi hành và lưu trú tạm thời của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình. Từ xa xưa loài người đã khởi hành với nhiều lý do khác nhau như vì sự tò mò, lòng ham hiểu biết về thế giới xung quanh, vì lòng yêu thiên nhiên, vì để học ngoại ngữ, để thỏa mãn sự hiếu kỳ, tính phiêu lưu mạo hiểm, thích cảm giác mạnh …

Định nghĩa đầu tiên về du lịch xuất hiện năm 1811 tại Anh:" Du lịch là sự phối hợp nhịp nhàng giữa lý thuyết và thực hành của các cuộc hành trình và mục đích giải trí. Ở đây giải trí là động cơ chính"

Năm 1930, ông Glusman, người Thụy Sỹ định nghĩa: "Du lịch là sự chinh phục không gian của những người đến một địa điểm mà ở đó họ không có chỗ cư trú thường xuyên".

Ông Kuns, một người Thụy Sỹ khác cho rằng: "Du lịch là hiện tượng những người ở chỗ khác, ngoài nơi ở thường xuyên, đi đến bằng các phương tiện giao thông và sử dụng sản phẩm của các xí nghiệp du lịch".

Giáo sư, tiến sỹ Hunziker và giáo sư, tiến sỹ Krapf – hai người được coi là những người đặt nền móng cho lý thuyết về cung du lịch đưa ra định nghĩa như sau: "Du lịch là tập hợp các mối quan hệ và các hiện tượng phát sinh trong các cuộc hành trình và lưu trú của những người ngoài địa phương, nếu việc cư trú đó không thành cư trú thường xuyên và không dính dáng đến hoạt động kiếm lời".

Một số trường Đại học lại có định nghĩa du lịch như sau:

Định nghĩa của Đại học Kinh tế Praha (CH Séc): "Du lịch là tập hợp các hoạt động kỹ thuật, kinh tế và tổ chức liên quan đến cuộc hành trình của con người về việc lưu trú của họ ngoài nơi ở thường xuyên với nhiều mục đích khác nhau loại trừ mục đích hành nghề và thăm viếng có tổ chức thường kỳ".

Định nghĩa về du lịch của trường Đại học Tổng hợp Kinh tế thành phố Varna, Bulgarie:" Du lịch là một hiện tượng KT - XH được lặp đi, lặp lại đều đặn. Chính là sản xuất và trao đổi dịch vụ và hàng hóa của các đơn vị kinh tế riêng biệt, độc lập, đó là các tổ chức, xí nghiệp và cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên môn, nhằm đảm bảo sự đi lại, lưu trú, ăn uống, nghỉ ngơi và mục đích thỏa mãn các nhu cầu cá thể về vật chất và tinh thần của những người lưu trú ngoài nơi ở thường xuyên của họ để ngơi, chữa bệnh, giải trí (thuộc các nhu cầu về văn hóa, chính trị, kinh tế …) mà không có mục đích lao động kiếm lời".

Định nghĩa của Michael Coltman (Mỹ):" Du lịch là sự kết hợp và tương tác của 4 nhóm nhân tố trong quá trình phục vụ du khách bao gồm: Du khách, nhà cung ứng, dịch vụ du lịch, cư dân sở tại và chính quyền nơi đón khách du lịch".

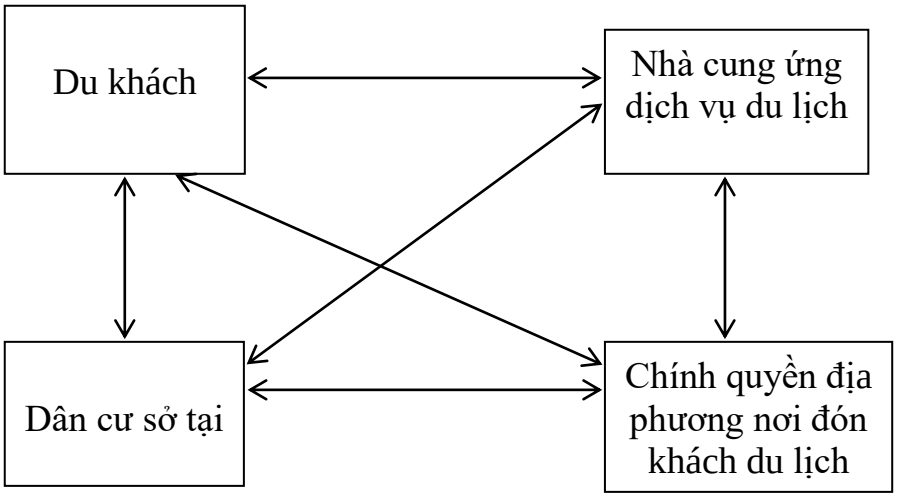

Như vậy du lịch không chỉ liên quan đến khách du lịch mà còn đề cập đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở và cá nhân phục vụ cho các nhu cầu tại nơi mà khách đi qua và ở lại.

- Hoạt động du lịch

là hoạt động của khách du lịch, tổ chức cá nhân kinh doanh du lịch, cộng đồng dân cư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến du lịch. Trong đó, chủ thể quan trọng của hoạt động du lịch là khách du lịch.

- Khách du lịch

+ Theo định nghĩa của Liên hiệp các quốc gia (Leaque of Nations) (1937) thì những người được coi là khách du lịch là những người khởi hành để giải trí vì những nguyên nhân gia đình, vì sức khỏe … những người khởi hành để gặp gỡ trao đổi các mối quan hệ về khoa học, ngoại giao, tôn giáo, thể thao, công vụ, những người khởi hành vì mục đích kinh doanh. Những người cập bến từ các chuyến hành trình du ngoạn trên biển, thậm chí cả khi họ dừng lại trong khoảng gian ít hơn 24 giờ.

+ Ngày 4/3/1993, Hội đồng Thống kê Liên hợp quốc (United Nations Statistical Commisson) đã công nhận một số thuật ngữ về khách du lịch:

Khách du lịch quốc tế (International tourist): gồm những người từ nước ngoài đến du lịch một quốc gia và những người đang sống trong một quốc gia đi du lịch nước ngoài.

Khách du lịch trong nước (Internal tourist): gồm những người là công dân của một quốc gia và những người nước ngoài sống trên lãnh thổ của quốc gia đó đi du lịch trong nước.

Khách du lịch nội địa (Domestic tourist): bao gồm khách du lịch trong nước và khách du lịch quốc tế đến.

Khách du lịch quốc gia (National tourist): bao gồm khách du lịch trong nước và khách du lịch quốc tế ra nước ngoài

+ Theo Pháp lệnh Du lịch của Việt Nam qui định: “Khách du lịch là người đi lại du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề ở nơi đến, khách du lịch bao gồm khách du lịch nội địa và khách du lịch quốc tế”.

Khách du lịch nội địa là công dân Việt Nam và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam đi du lịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Khách du lịch quốc tế là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch và công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam ra nước ngoài du lịch.

- Sản phẩm du lịch

Là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch trong chuyến đi du lịch, là các dịch vụ, hàng hóa cung cấp cho du khách được tạo nên bởi sự kết hợp của việc khai thác các yếu tố tự nhiên, xã hội với việc sử dụng các nguồn nhân lực: Cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động tại một cơ sở, một vùng hay một quốc gia nào đó. Sản phẩm du lịch bao gồm các yếu tố hữu hình cũng như vô hình - yếu tố hữu hình là hàng hóa, yếu tố vô hình là dịch vụ.

- Dịch vụ du lịch

Là việc cung cấp các dịch vụ về lữ hành, vận chuyển, lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, thông tin, hướng dẫn và các dịch vụ khác nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của khách du lịch. Để thỏa mãn các nhu cầu đó, ngành du lịch tổ chức cung cấp các dịch vụ du lịch cơ bản và thường được gọi tắt là *cung dịch vụ,* có thể phân chia thành các nhóm cơ bản:

+ Dịch vụ vận chuyển

+ Dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, đồ ăn, thức uống

+ Dịch vụ tham quan, giải trí

+ Hàng hoá tiêu dùng và đồ lưu niệm

+ Các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch

Để có quan niệm đầy đủ về cả góc độ kinh tế và kinh doanh của du lịch, Khoa du lịch và khách sạn (Đại học KTQD - Hà Nội) đưa ra định nghĩa: "Du lịch là ngành kinh doanh bao gồm các hoạt động tổ chức hướng dẫn du

lịch, sản xuất, trao đổi hàng hóa và dịch vụ của những doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu, đi lại, lưu trú, ăn uống, tham quan, giải trí, tìm hiểu và các nhu cầu khác của khách du lịch. Các hoạt động đó phải mang lại lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội thiết thực cho nước làm du lịch và cho bản thân doanh nghiệp".

Trong Pháp lệnh Du lịch được Quốc hội khóa XI thông qua, tại Điều 10 qui định: "Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu thăm quan, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định".

Du lịch là một hoạt động có nhiều đặc thù, gồm nhiều thành phần tham gia tạo ra một tổng thể hết sức phức tạp. Hoạt động du lịch vừa có đặc điểm của ngành kinh tế, lại có đặc điểm của ngành văn hóa - xã hội.

*** Các loại hình du lịch**

Ngày nay có rất nhiều các loại hình du lịch dùng phổ biến trên thế giới: du lịch quốc tế, du lịch nội địa, du lịch chữa bệnh… và khi đi du lịch có nhiều nhu cầu nảy sinh khác nhau nên thường có sự kết hợp nhiều loại hình du lịch cùng một lúc, để tạo ra các dịch vụ du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu của các khách du lịch đòi hỏi phải có các loại hình kinh doanh du lịch tương ứng.

Khái niệm Loại hình Du lịch

Loại hình du lịch là một tập hợp các sản phẩm du lịch có những đặc điểm giống nhau, hoặc vì chúng thỏa mãn những nhu cầu, động cơ du lịch tương tự, hoặc được bán cho cùng một nhóm khách hàng, hoặc vì chung có cùng một cách phân phối, một cách tổ chức như nhau, hoặc được xếp chung theo một mức giá bán nào đó.

Dựa vào các tiêu thức phân loại khác nhau người ta có thể phân loại du lịch thành các loại hình du lịch cơ bản sau:

- *Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ của chuyến đi du lịch.* Theo tiêu thức này du lịch được phân thành:

+ Du lịch quốc tế: Là hình thức du lịch mà ở đó điểm xuất phát và điểm đến của khách nằm ở lãnh thổ của các quốc gia khác nhau. Ở hình thức du lịch này khách phải đi qua biên giới và tiêu ngoại tệ ở nơi đến du lịch, du lịch quốc tế được chia thành: du lịch quốc tế chủ động và du lịch quốc tế thụ động.

+ Du lịch nội địa: Là hình thức du lịch mà điểm xuất phát và điểm đến của khách cùng nằm trong lãnh thổ của một quốc gia.

- *Căn cứ vào nhu cầu làm nảy sinh hoạt động du lịch.* Theo tiêu thức này du lịch được phân thành các loại hình sau:

+ Du lịch chữa bệnh: Du khách đi du lịch do nhu cầu điều trị bệnh tật về thể xác và tinh thần của họ, bao gồm chữa bệnh bằng khí hậu, bằng nước khoáng, bằng bùn, bằng hoa quả, bằng sữa...

+ Du lịch nghỉ ngơi giải trí: có tác dụng giải trí làm cuộc sống thêm phong phú, đa dạng và giải thoát con người khỏi bận rộn của công việc hàng ngày.

+ Du lịch thể thao: bao gồm du lịch thể thao chủ động (khách đi du lịch để tham gia trực tiếp vào hoạt động thể thao: leo núi, săn bắn, câu cá, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, trượt tuyết …). Du lịch thể thao thụ động (các cuộc hành trình đi du lịch để xem các cuộc thi thể thao, thế vận hội olympic).

+ Du lịch văn hóa: nhằm nâng cao hiểu biết cho cá nhân về một lĩnh vực, lịch sử, kiến trúc, kinh tế, hội họa, xã hội, cuộc sống của người dân, cùng các phong tục, tập quán của các nước.

+ Du lịch công vụ: nhằm thực hiện nhiệm vụ công tác hoặc nghề nghiệp nào đó. Với mục tiêu này, khách đi tham dự các hội nghị, hội thảo, kỷ niệm các ngày lễ lớn, các cuộc gặp gỡ, các cuộc triển lãm hàng hóa, hội trợ.

+ Du lịch thương gia: là đi tìm hiểu thị trường, nghiên cứu đầu tư, ký kết hợp đồng …

+ Du lịch tôn giáo: nhằm làm thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng.

+ Du lịch thăm hỏi, du lịch quê hương: đáp ứng nhu cầu của những người xa quê hương, đi thăm hỏi họ hàng, bạn bè, đi dự lễ cưới, lễ tang.

+ Du lịch quá cảnh: nảy sinh do nhu cầu đi qua lãnh thổ một quốc gia nào đó.

1.1.2. Những yếu tố ảnh hưởng tới phát triển du lịch

1.1.2.1. Yếu tố kinh tế

Du lịch là hoạt động liên ngành, liên vùng, do vậy yếu tố kinh tế ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển của du lịch, sự phát triển của du lịch lệ thuộc vào hiệu qủa của các ngành kinh tế khác. Những vùng có điều kiện kinh tế phát triển, có những sản phẩm chất lượng cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch. Ngành du lịch tiêu thụ một số lượng lớn lương thực, thực phẩm, sành sứ, dệt may… Do vậy sự phát triển của các ngành này sẽ đem lại những sản phẩm tốt, phục vụ nhu cầu tốt hơn đối với khách du lịch.

Du lịch là ngành luôn đi đầu về phương diện tiện nghi hiện đại và là ngành liên tục đổi mới nên việc đảm bảo nguồn vốn để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh du lịch.

1.1.2.2. Yếu tố văn hoá – xã hội

Sự phát triển về văn hoá – xã hội của mỗi vùng, mỗi quốc gia cũng ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển của du lịch, sự nhận thức đúng đắn về khả năng phát triển du lịch đem lại những bước đi phù hợp trong từng giai đoạn phát triển du lịch nhất định. Yếu tố văn hoá – xã hội đảm bảo sẽ giúp du khách cảm thấy an toàn, yên tâm gặp gỡ dân bản xứ, giao thiệp và làm quen với phong tục, tập quán của địa phương, ngược lại sẽ đem lại những tác động không tốt đến sự phát triển của du lịch, nó làm giảm nhu cầu đi du lịch của

dân cư và cũng làm cho khả năng cung ứng của dịch vụ du lịch bị hạn chế, chẳng hạn như: sự phát sinh và lây lan của các loại dịch bệnh là những nguy cơ đe doạ sức khoẻ và tính mạng của du khách cũng gây ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của du lịch vì một mặt du khách sẽ không đến những vùng dịch bệnh, mặt khách chính quyền địa phương và các đơn vị kinh doanh du lịch cũng không dám mạo hiểm đưa khách du lịch đến những khu vực không an toàn cho sức khỏe của du khách.

1.1.2.3. Yếu tố chính trị

Một Đất nước có môi trường chính trị hoà bình ổn định, cơ chế liên doanh, liên kết với các hãng du lịch lớn và có uy tín, khai thác tốt các thị trường khách, có sản phẩm du lịch đặc thù và không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ… tạo khả năng thu hút lớn đối với khách du lịch bởi du khách chỉ muốn đến những vùng du lịch có môi trường chính trị ổn định như: không có nạn phân biệt chủng tộc, tôn giáo, không có bạo động, không có nạn khủng bố… Họ sẽ cảm thấy an toàn để thụ hưởng những sản phẩm du lịch. Như vậy, du lịch phát triển được là nhờ điều kiện chính trị hoà bình ổn định và ngược lại và tình hình chính trị càng được củng cố khi mở rộng và phát triển quan hệ trao đổi du lịch giữa các quốc gia và dân tộc.

1.1.2.4. Các yếu tố khác

Ngoài các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội còn nhiều yếu tố quan trọng khác tác động tới sự phát triển của du lịch như: chính sách phát triển du lịch, nhu cầu du lịch, tiềm năng du lịch (điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, điều kiện tổ chức, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật…).

1.1.3. Vai trò của du lịch

Phát triển du lịch có ý nghĩa trên nhiều mặt: chính trị, văn hoá, môi trường sinh thái... là hướng chiến lược quan trọng trong mục tiêu làm cho dân

giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh. Tuy nhiên khi đánh giá về vai trò của du lịch còn có những quan điểm khác nhau:

Quan điểm thứ nhất: Du lịch là loại hình hoạt động vui chơi, giải trí của người giàu, là hiện tượng văn hoá đơn thuần, ý nghĩa về mặt kinh tế không đáng kể... nên khi đầu tư thường chú ý tới phúc lợi công cộng là chủ yếu.

Quan điểm thứ hai: Du lịch là ngành công nghiệp không khói, mang lại lợi nhuận siêu ngạch, là "con gà đẻ trứng vàng", là "ngành kinh tế mũi nhọn", là "ngành kinh tế động lực"...

Trong hai quan điểm đều có sự phiếm diện. Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO) đánh giá: "Du lịch ngày nay trở thành một hiện tượng quan trọng nhất của đời sống hiện đại" và trở thành một trong những ngành kinh tế hàng đầu trong nền kinh tế thế giới. Tổ chức WTO cũng dự báo đến năm 2020 thị phần đón khách du lịch quốc tế của khu vực Đông Á – Thái Bình Dương sẽ là 27,34%. Trong khu vực Đông Á – Thái Bình Dương, du lịch các nước Đông Nam Á có vị trí quan trọng chiếm khoảng 34% lượng khách và 38% thu nhập du lịch của toàn khu vực. Trong nhiều năm qua chúng ta đã chứng minh được thực chất phát triển du lịch ở Việt Nam là phù hợp với xu thế của thời đại, phù hợp với đường lối phát triển kinh tế của Đảng, là điều kiện để khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng tài nguyên du lịch quí báu của Đất nước.

Như vậy, Du lịch có vai trò vô cùng quan trọng đối với đời sống kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, mỗi địa phương.

Du lịch là hoạt động xuất khẩu có hiệu quả cao nhất bởi nó đem lại lợi nhuận kinh tế cao, nhờ tiết kiệm được các chi phí bao bì, đóng gói, bảo quản, thuế xuất nhập khẩu, thu hồi vốn nhanh. Các hàng hoá du lịch như cảnh quan thiên nhiên, khí hậu, giá trị của các khu di tích lịch sử, văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc...nó không mất đi theo thời gian mà nó còn tăng lên về mặt giá trị khi phục vụ thoả mãn nhu cầu của du khách.

Du lịch góp phần tăng thu ngân sách qua các khoản trích nộp ngân sách, các khoản thuế từ các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, tăng nguồn thu ngoại tệ cho Đất nước, du lịch có vai trò tích cực trong việc cân bằng lại sự chênh lệch về thu nhập giữa các vùng, rút ngắn khoảng cách và cải thiện tình trạng bất bình đẳng về mức sống ở những vùng khó khăn hơn. Ngoài ra du lịch còn thu hút các nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư và các nguồn đầu tư từ nước ngoài thông qua các dự án xây dựng các khu du lịch tổng hợp các khu du lịch trọng điểm.

Du lịch là hoạt động liên ngành, liên vùng nên nó góp phần kích thích cơ sở hạ tầng phát triển, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển và ngược lại. Thông qua du lịch các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, thủ công, mỹ nghệ, giao thông vận tải, tài chính, tín dụng, bưu điện, hải quan...phát triển. Và để du lịch phát triển được phải dựa trên sự phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng (sân bay, bến cảng, cầu phà, nhà hàng, khách sạn, cơ sở y tế, bưu điện...) có chất lượng tốt và hiện đại.

Du lịch có khả năng làm giảm tình trạng thất nghiệp, thu nhập của người dân từng bước được giải quyết và nâng lên ở các địa phương vì du lịch thu hút một bộ phận lớn dân cư tham gia vào các dịch vụ, xây dựng, bán sản phẩm du lịch...

Phát triển du lịch giúp khôi phục và bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc thông qua các loại hình du lịch: du lịch làng nghề, du lịch di tích lịch sử, du lịch lễ hội...

1.1.4. Kinh nghiệm phát triển du lịch của một số nước Đông Nam Á và một số tỉnh thành ở Việt Nam

1.1.4.1. Kinh nghiệm của Thành phố Chiang Mai - Thái Lan

Diện tích hơn 500.000km^2 và địa hình đa dạng từ núi đồi, cao nguyên, đến đồng bằng, sông suối, Thái Lan là vùng đất lý tưởng cho những chuyến

du lịch. Ở đây có 8 vùng trọng điểm du lịch, tính từ Bắc xuống Nam là: Chiang Rai, Chiang Mai, Kanchannaburi, Bangkok, Pattaya, Samui, Phuket và Krabi.

Thái Lan là một trong những quốc gia có ngành du lịch phát triển rất mạnh thời gian qua ở khu vực Đông Nam Á. Từ năm 2002, với sự thành lập Bộ Du lịch và Thể thao, Thái Lan đẩy mạnh hơn nữa ngành kinh doanh du lịch. Du lịch Thái Lan đã vượt ngưỡng 10 triệu lượt du khách quốc tế/năm với doanh thu trên 300 tỷ bạt, tốc độ tăng trưởng bình quân >7%/năm. Thị trường trọng điểm là Trung Quốc, Nhật và Trung Đông. Tổng cục Du lịch Thái Lan thường xuyên triển khai tốt những chiến dịch để khuyến khích người dân Thái Lan đi du lịch trong nước, lợi nhuận thu được từ du lịch nội địa cũng đạt trên 300 tỷ bạt và không ngừng gia tăng luợng khách quốc tế. Mục tiêu biến Thái Lan thành" Thủ phủ du lịch Châu Á"nhà nước Thái đã mời 1500 nhà báo quốc tế đến thăm Thái Lan như là một phần của chiến dịch quan hệ quốc tế. Chiến dịch" Thái Lan kỳ diệu: Hãy Thể Nghiệm Sự Đa Dạng Nơi Đây"được triển khai với trọng tâm hướng vào khách từ các nước Trung Quốc, Nhật và Trung Đông. Nhà nước Thái Lan đã đề ra một ngân sách du lịch 3,3 tỷ bạt cho tiếp thị và 3,5 tỷ bạt cho việc phát triển du lịch, bảo dưỡng các khu du lịch.

Điều đặc biệt là du khách đến Thái Lan được tự do mang vào số lượng ngoại tệ không hạn chế, nhưng khi mang ra thì không được vượt quá số lượng mang vào khi khai báo Hải quan, hoặc không được vượt quá giá trị 10.00 USD, đối với tiền của Thái Lan khi ra mỗi người có thể mang tối đa 50.000 USD bạt không cần xin phép trước. Du khách được khuyến khích mở tài khoản ngoại tệ tại bất kỳ ngân hàng thương mại nào ở Thái Lan để phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng tại đây, với tài khoản này sẽ không có một hạn chế nào trong việc ký thác hoặc rút tiền nếu nguồn tiền được gửi vào từ nước ngoài.

Du khách được mang ra các loại hàng hoá mua ở các quầy hàng miễn thuế, các loại đồ trang sức bằng đá quí, vàng và bạch kim ...

Từ năm 1982 Cảnh sát du lịch được thành lập, phối hợp với Tổng cục Du lịch để bảo vệ an ninh cho du khách ở Thái Lan. Đồng thời hoạt động tiếp thị và quảng cáo sản phẩm du lịch cũng được Tổng cục du lịch trực tiếp điều phối. Trong 8 vùng du lịch trọng điểm của Thái Lan chiếm thị phần du khách lớn nhất là Thành phố Chiang Mai. Chiang Mai là trung tâm kinh tế, thông tin liên lạc, văn hoá và du lịch của miền Bắc Thái Lan, được biết đến nhiều với cái tên "Đóa hồng của Miền Bắc"có diện tích khoảng 20.107km^2. Địa hình ở đây chủ yếu là núi và rừng, một phần trong đó là những công viên quốc gia với hệ thực vật và động vật rất phong phú, có rất nhiều điểm để du khách tìm hiểu về lối sống của các bộ tộc định cư trên các ngọn đồi cao. Ở đây có rất nhiều điểm tham quan nổi tiếng như:

- Chùa Phra Sing, chùa Suan Dok, chùa Chiang Man, chùa Chedi Luang, chùa Ku Tao ... là những ngôi chùa rất cổ có chứa hài cốt hoả táng của những người trong hoàng tộc.

- Bảo tàng côn trùng và kỳ quan thiên nhiên có những bộ sưu tập độc đáo các loại côn trùng nội địa và nước ngoài, cả những loại động vật hoá thạch.

- San Kamphaeng là địa chỉ nổi tiếng về tơ tằm và làng dệt, cách trung tâm thành phố khoảng 13km, khách du lịch đến đây để mua các loại hàng lưu niệm bằng vải và tơ lụa với chất lượng cao và giá rẻ.

- Suối nước nóng San Kamphaeng cách trung tâm thành phố 36km, nằm giữa vùng cây cối và đồi núi xanh tươi và suối nước nóng Pong Duat Pa Pae cách trung tâm thành phố 40km, phun cao 4m trên mặt đất. Nước ở những nơi này có hàm lượng lưu huỳnh cao có tác dụng chữa bệnh và bồi dưỡng sức

khoẻ. Ở đây có đầy đủ tiện nghi về chỗ ở, hồ bơi, nhà hàng ăn uống ... bên cạnh suối nước nóng Roong Arun và công nghệ hoa lệ.

- Thác Mae Ya là một trong những thác nước đẹp nhất Chiang Mai, có dòng nước đổ xuống từ độ cao 280m trông như những tấm lụa trắng treo giữa nền cây rừng. Thác Mok Fa, thác Mea Klang là những ngọn thác một tầng có nước đổ quanh nằm giữa một vùng cây cối xanh tốt. Môi trường thú vị đây là một nơi lý tưởng để nghỉ dưỡng. Thác Mae Sa nổi tiếng với 8 tầng nước trong khung cảnh dễ thương đầy gió mát.

- Tại Chaing Mai còn có nhiều điểm tham quan và thắng cảnh hấp dẫn khác như: phố cổ Kum Kam, công viên quốc gia núi Suthep và núi Pui, Công viên quốc gia Lanna, làng Hmong Mea Sa Mai, Vườn Bướm và Phong Lan, vườn sinh vật hoàng hậu Sirikit, trại rắn Mae Sa, tháp Narresuan, Bảo tàng các Bộ tộc, hang Chiang Dao, hang Bori Chinda, Trung tâm văn hoá Chiang Mai, làng dệt truyền thống ...

Do khai thác và sử dụng tốt những tài nguyên phong phú của đất nước cùng với chiến lược phát triển du lịch quốc gia nên Thành phố du lịch Chaing Mai đã đạt những thành tựu vượt bậc.

1.1.4.2. Kinh nghiệm phát triển du lịch SINGAPORE

Đảo quốc Cộng hoà Singapore có vị trí ở độ 1 Bắc vĩ tuyến, thuộc phía Nam châu Á, có diện tích 692,7km^2, dân số hơn 4,5 triệu người, trong đó người Hoa chiếm trên 76%. Quốc gia này bao gồm đảo Singapore và 58 đảo nhỏ khác. Nhờ có một chính quyền hiệu quả và kiên định, Singapore đã trở nên một đất nước phồn thịnh, nổi trội về thương mại và du lịch, là một tấm gương cho các nước đang phát triển.

Singapore trung tâm hàng đầu của Châu Á về tài chính và kinh doanh, là trung tâm lọc dầu lớn hàng thứ 3 thế giới. Thành phố thủ đô, mang cùng tên gọi là Singapore, chiếm khoảng 1/3 diện tích của đảo chính. Mỗi năm có hơn

7 triệu du khách quốc tế đến viếng hòn đảo nhỏ bé này, gần gấp đôi dân số của quốc gia.

Trung tâm thành phố Singapore được chia thành từng khu nhỏ, mỗi khu vực có 1 phong vị riêng đặc trưng, từ những hiệu bán hương liệu của khu tiểu Ấn Độ(bán h- ơng liệu), khu Hoa Kiều, đến đó người ta còn có thể tìm được những nghệ nhân viết thư pháp hay những ông thầy lý số, khu quảng trường Ả Rập có bán những loại hàng vải và lụa rất đẹp.

Phía Bắc thành phố là hai khu bảo tồn thiên nhiên, Bukit Tima và Trung tâm nước, cùng với sự tráng lệ của vườn bách thú Singapore. Dọc theo dãi bờ biển cát trắng là những nhà hàng bán các loại hải sản đặc trưng của vùng biển phía Đông. Âm nhạc, sân khấu, những sinh hoạt về đêm, tất cả đều có đầy đủ ở mọi nơi trong thành phố này.

- Những điểm tham quan và giải trí chính ở thành phố

+ Thành phố tuyết Singapore, là một môi trường giả lập khí hậu ôn đới với mùa Đông vĩnh viễn và tuyết có mặt khắp mọi nơi.

+ Thành phố đổ nát, để sống lại một thời đã qua và du hành vào những bí ẩn của một nền văn hoá cổ, bạn có thể vào tham quan tại đây.

+ Thành phố Đường Triều: mở cửa từ 9 giờ sáng đến 6 giờ 30 chiều. Cơ sở này đã được đầu tư nhiều triệu đô la để mô phỏng lại kinh đô của nhà Đường trước kia, vốn là trung tâm của thời đại hoàng kim ở Trung Quốc từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 8.

+ Công viên chim Jurong: là một trong những công viên chim lớn nhất Châu Á - Thái Bình Dương, có diện tích 20 ha, tập trung hơn 8.000 chim thuộc 600 loài khác nhau trên khắp thế giới, trong khung cảnh cây cối sum sê, tươi tốt.

+Thiên đàng cá sấu Jurong, là một trại nuôi Cá Sấu thể hiện những đặc điểm đời sống của loài động vật lưỡng thể vừa sống dưới nước vừa sống trên cạn. Ở đây hàng ngày đều có những tiết mục biểu diễn đấu vật của Cá Sấu.

+ Khu săn đêm: đây là một sở thú ban đêm hàng đầu thế giới. Ở đây có hơn 1.200 con thú và hơn 110 loài thú nước ngoài cho khách quan sát.

+ Công viên bướm, là một vườn nuôi hơn 2.500 con Bướm thuộc hơn 50 loại khác nhau, khoe sắc rực rỡ trong các lùm cây xanh. Có khoảng 3.000 loài côn trùng đẹp và hiếm nhất thế giới, cùng với một phòng nuôi Đom Đóm.

+ Pháo đài Siloso, là pháo đài duy nhất mà Singapore còn bảo trì để phục vụ khách tham quan. Trong pháo đài có những hiện vật trưng bày phản ánh quá trình lịch sử từ thế kỷ thứ 19 đến cuộc chiến bảo vệ Singapore năm 1942.

+ Khu núi lửa, khu vực giả lập này đưa du khách tham quan vào một thế giới của động vật và núi lửa.

+ Vườn bách thú Singapore, là một môi trường cho các loài thú sống đúng theo thói quen thiên nhiên, không có chuồng trại, tường rào để nhốt thú, ở đây chỉ có hào ngăn cách để tránh nguy hiểm cho khách tham quan.

+ Tháp Merlion, là tượng " Ngư Sư", với đầu sư tử và mình cá, biểu tượng ngành du lịch Singapore.

+ Vòi nước thịnh vượng, hai điểm đặc biệt của vòi phun nước này: lớn nhất thế giới và gắn liền với một niềm tin có phần mê tín.

+ Khu bảo tồn thiên nhiên Bukit Timah, là một trong số hai rừng nhiệt đới duy nhất trên thế giới nằm trong khuôn viên của một thành phố. Trên diện tích 164 ha của khu bảo tồn này có số lượng tiêu bản thực vật nhiều hơn cả lục địa Bắc Mỹ.

+ Các Viện bảo tàng: Bảo tàng Học Sĩ Trung Hoa, Bảo tàng Văn Minh Châu Á, Bảo tàng Làng Tân Minh, Bảo tàng Nghệ Thuật Singapore, Bảo tàng Không lực Cộng hoà Singapore và Bảo tàng Lịch sử Singapore.

Bên cạnh đó còn có: nhiều Đền, Chùa, Nhà thờ, Nhà Nữ Hoàng, Nhà Tù Changi và cả Thế Giới Rồng Haw Par Villa, cùng một số điểm và khu vực đặc trưng ở Singapore như: Phố Ả Rập, Phố Hoa Kiều, Khu Tiểu Ấn Độ, Bến Tàu và Bến Clark...

Như vậy, Singapore là quốc gia vốn thiếu những tài nguyên thiên nhiên đáng giá, nhưng lại có những công trình kiến trúc cổ xưa, những giá trị truyền thống văn hóa, chính sách thương mại rất tự do và là một địa điểm sạch sẽ và an toàn để du khách đến tham quan, với không khí hòa nhã, dễ chịu xếp vào loại hàng đầu và những nơi công cộng quanh đây đều trong lành đến mức không có lấy một gợn khói. Hoạt động y tế và giáo dục rất mạnh. Nhà nước Singapore thiết lập những qui định rất nghiêm ngặt về mặt xã hội, việc hút thuốc lá và ăn kẹo cao su bị cấm hoàn toàn ở những nơi công cộng.

1.1.4.3. Kinh nghiệm phát triển du lịch Huế

- Thừa Thiên - Huế là nơi hội tụ và giao thoa các yếu tố văn hóa phương Đông và sau này là văn hóa phương Tây, tạo ra "vùng văn hóa Huế" độc đáo trong đa dạng và phong phú, góp phần làm nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Cố đô Huế là nơi đang lưu giữ một kho tàng di tích, cổ vật, trong đó quần thể di tích Cố đô đã được UNESCO xếp hạng Di sản văn hóa thế giới với những công trình kiến trúc Cung đình và danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Huế còn là một kho tàng văn hóa phi vật thể đồ sộ, các loại hình lễ hội tôn giáo, lễ hội dân gian, lễ hội văn hóa các dân tộc ít người. Nhã nhạc Cung đình Huế đã được UNESCO công nhận là Di sản kiệt tác văn hóa và truyền khẩu của nhân loại. Thủ tướng Chính phủ có quyết định công nhận thành phố Huế là thành phố Festival.

Thực tế, phát triển du lịch đã đóng góp đáng kể vào tỷ trọng, tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách Nhà nước. Cơ sở vật chất của ngành du lịch không ngừng được củng cố, xây dựng. Lượng khách tăng bình quân hàng

năm gần 15%. Du lịch dịch vụ phát triển đã tác động mạnh đến nhiều ngành nghề khác phát triển như nhà hàng, khách sạn, giải trí, mua sắm, bưu chính viễn thông, Internet, vận tải … tạo ra năng lực sản xuất, sức mua và luân chuyển nhanh đồng vốn. Mặt khác, tác động mạnh đến phát triển nông nghiệp - nông thôn, thúc đẩy mở rộng và phát triển ngành nghề, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. Thực tế từ sự phát triển của ngành đã làm tăng nhanh nhu cầu các sản phẩm tạo cho ngành nghề, làng nghề truyền thống khôi phục và phát triển (mộc, mỹ nghệ, đúc đồng, kim hoàn, đan lát, thêu …) tạo cơ hội thuận lợi cho cộng đồng dân cư tham gia dịch vụ lưu trú, tham gia đầu tư, khai thác các sản phẩm, tour, tuyến du lịch độc đáo.

Cũng như Hoa Lư - Ninh Bình, Huế là một Cố đô, từ thực tiễn phát triển du lịch của Thừa Thiên - Huế đã cho Ninh Bình một số bài học kinh nghiệm:

+ Biết phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, cán bộ, ngành về cơ chế, chính sách, nguồn vốn để xây dựng kết cấu hạ tầng, tranh thủ sự hỗ trợ của các hoạt động trong chương trình hành động quốc gia về du lịch, sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ về kỹ thuật, xây dựng các dự án phát triển du lịch bền vững dựa vào cộng đồng.

+ Nhận thức rõ nhiệm vụ khai thác, phát huy thế mạnh của ngành du lịch là nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước và toàn dân. Vì vậy, các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp cần quan tâm tuyên truyền để thúc đẩy ngành phát triển đúng hướng, đúng với tiềm năng, triển vọng.

+ Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển bền vững. Trọng tâm là hoàn chỉnh quy hoạch chi tiết di tích văn hóa, di tích lịch sử cách mạng, danh lam thắng cảnh, đồng thời tiến hành khoanh vùng bảo vệ, công khai thông báo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác trùng tu, tôn tạo di tích và đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển du lịch.

+ Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển du lịch - dịch vụ phù hợp. Chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính để tạo các điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Quan tâm xây dựng khung pháp lý kinh doanh, môi trường du lịch, môi trường văn hóa lành mạnh để phát huy hiệu quả các hoạt động du lịch - dịch vụ.

1.1.4.4. Kinh nghiệm phát triển du lịch Quảng Ninh

- Quảng Ninh là một tỉnh địa đầu phía Đông Bắc của Tổ quốc. Với diện tích 6.100km^2, có 3 cửa khẩu quốc gia và quốc tế, được thiên nhiên ưu đãi nhiều tài nguyên như than, đất sét và nhiều cảnh quan nổi tiếng và gần 500 di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật. Quảng Ninh có nhiều lợi thế so với các địa phương khác để phát triển kinh tế, cả công nghiệp, du lịch và dịch vụ. Nhưng hầu hết đó là nguồn tài nguyên không tái tạo. Vì vậy, phát triển du lịch bền vững vẫn là hướng đi lâu dài của tỉnh. Từ lợi thế "trời cho" ấy, Quảng Ninh đã đầu tư cả nhân lực và vật lực, để đạt được sự tăng trưởng kinh tế cao, đặc biệt là phát triển ngành du lịch. Hạ Long đã hai lần được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới và đang được New Open World (đơn vị tổ chức và phát động bình chọn 7 kỳ quan thiên nhiên Thế giới) đưa vào danh sách bình chọn là Kỳ quan thiên nhiên Thế giới. Định hướng của Quảng Ninh là cơ cấu để phát triển du lịch phải gắn liền với các địa phương trong toàn tỉnh: Hạ Long với Móng Cái, Vân Đồn, Yên Ninh, Đông Triều. Triển khai nhiều nhiều sản phẩm văn hóa, du lịch như: Du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao … Đặc biệt là sẽ phát triển ngành du lịch sinh thái biển đảo chất lượng cao tại một số huyện có tiềm năng du lịch như Vân Đồn, Hải Hà. Nâng cấp và hình thành khu du lịch - đô thị - thương mại Móng Cái. Theo kế hoạch, hàng tuần, tàu Super Star Libra của hãng Star Cruises (hãng tàu biển lớn thứ ba thế giới) sẽ đưa khoảng 1.000 - 2.000 khách từ Hồng Kông đến Hạ Long và sẽ lựa chọn các chương trình tham quan vịnh Hạ Long,

khu du lịch quốc tế Tuần Châu, Thành phố Hạ Long, Khu du lịch Bãi Cháy, mua sắm ở chợ Hạ Long I.

Quảng Ninh là "Hạ Long trên biển", còn Ninh Bình được mệnh danh là" Hạ Long cạn". Những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn của Quảng Ninh cho Ninh Bình ở vấn đề sau:

+ Môi trường có thể bị ô nhiễm bởi sự phát triển của công nghiệp: Sự phát triển đồng loạt giữa các ngành du lịch và cảng biển, sản xuất than, điện, vật liệu xã hội, đóng tàu và nuôi trồng thủy sản … đến một thời điểm không xa nữa có thể chồng chéo lên nhau, phá vỡ trật tự chung và có thể làm triệt tiêu ngay cả những tiềm năng, lợi thế mạnh nhất là du lịch và cảng biển. Những ngành kinh tế phát triển như công nghiệp khai thác than, sản xuất vật liệu xây dựng đều là những ngành có thể gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến phát triển du lịch, nếu như không có sự quy hoạch hợp lý, đồng bộ. Mặt khác, tốc độ đô thị hóa cùng sự phát triển nhanh của các ngành công nghiệp và dịch vụ làm cho quỹ đất ngày càng khan hiếm. Nạn lấn biển và sự hình thành các khu công nghiệp mới đã phá hủy hàng ngàn ha rừng ngập mặn phía bắc thành phố, gây ảnh hưởng nhgiêm trọng đến "tấm màng lọc khổng lồ" giữ cho vùng vịnh Hạ Long tránh khỏi ô nhiễm bởi bùn, đất, rác thải xả xuống biển … Nếu tình trạng này không được khắc phục, luồng lạch vào cảng Cái Lân sẽ có nguy cơ bị bồi lấp chỉ sau vài ba thập niên tới. Hệ thống nước thải từ thành phố và các khu công nghiệp còn nhiều bất cập và biển sẽ là nơi phải gánh chịu tất cả.

+ Khắc phục tình trạng kết cấu hạ tầng yếu kém và thiếu đồng bộ, đây là một thách thức chung đối với phát triển du lịch và kinh tế ở Quảng Ninh. Để đảm bảo một sự phát triển bền vững trong tương lai, cần có chiến lược quy hoạch tổng thể có cơ sở khoa học và đồng bộ.

+ Đẩy mạnh công tác quảng bá du lịch, xúc tiến du lịch. Xây dựng chiến lược, mục tiêu cụ thể để phát triển toàn ngành du lịch, tiến tới xây dựng một thương hiệu, một hình ảnh rõ ràng, đủ sức đối đầu với cuộc cạnh tranh khốc liệt của các quốc gia trong khu vực. Khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam thường rơi vào một nghịch cảnh là không tìm được chỗ để "tiêu tiền". Bởi ngoài những danh thắng tự nhiên, sản phẩm du lịch, dịch vụ ăn theo còn nghèo nàn, khu vực dịch vụ do con người xây dựng chưa phát triển.

1.2. Phát triển du lịch và phát triển du lịch bền vững

1.2.1. Phát triển du lịch

** Phát triển du lịch là một tất yếu khách quan*

Phát triển du lịch là 1 tất yếu khách quan, gắn liền với quá trình phát triển của đời sống kinh tế xã hội và con người bởi vì khi con người đã thoả mãn nhất định về nhu cầu ăn, mặc, ở họ có thời gian rỗi, và họ có điều kiện đi đây đi đó hưởng thụ những sản phẩm văn hoá dịch vụ. Như vậy đời sống kinh tế càng phát triển thì du lịch càng phát triển. Tuy nhiên yếu tố văn hoá cũng đóng vai trò quan trọng làm nảy sinh và phát triển nhu cầu du lịch. Thực tế chúng ta thấy các nước có trình độ văn hoá cao thì số người đi du lịch ra nước ngoài càng nhiều và ngược lại.

** Điều kiện đặc trưng để phát triển du lịch*

Điều kiện về tài nguyên du lịch: đây là điều kiện cần để phát triển du lịch, một quốc gia, một vùng dù có nền kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội phát triển cao, song nếu có các tài nguyên du lịch thì cũng không thể phát triển được du lịch. Có thể nói tiềm năng về kinh tế là vô hạn, còn tiềm năng về tài nguyên du lịch là có hạn, đặc biệt đối với những tài nguyên mà thiên nhiên chỉ ban cho một số vùng, một số nước nhất định. Tài nguyên có thể do thiên

nhiên tạo ra, có thể do con người tạo ra vì vậy tài nguyên du lịch được chia làm 2 nhóm: tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn.

- Tài nguyên thiên nhiên: địa hình đa dạng, khí hậu ôn hòa, động thực vật phong phú, giàu tài nguyên nước và vị trí địa lý thuận lợi.

+ Địa hình: với khách du lịch thường yêu thích những nơi nhiều rừng đồi, núi, biển, đảo ... còn những nơi có địa hình và phong cảnh đơn điệu thì không thích hợp với du lịch.

+ Khí hậu: du khách tránh tới những nơi quá lạnh, quá ẩm hoặc quá nóng, quá khô mà thích tới những vùng có khí hậu ôn hòa. Tuy nhiên mỗi một loại hình du lịch đòi hỏi những điều kiện khí hậu khác nhau. VD: du lịch biển thường vào những ngày mưa tương đối ít, số ngày nắng trung bình trong ngày cao, nhiệt độ nước biển ôn hòa, gió ít ...

+ Thực vật, động vật, tài nguyên nước: rừng là nhà máy sản xuất oxy, điều hòa không khí, thực vật động vật phong phú và quý hiếm sẽ thu hút được nhiều du khách với lòng ham tìm tòi, nghiên cứu thiên nhiên.

+ Vị trí địa lý: điểm du lịch nằm trong khu vực phát triển du lịch hay khoảng cách từ điểm du lịch đến các nguồn gửi khách du lịch ngắn thường là điều kiện thuận lợi giúp du lịch phát triển. Tuy nhiên trong một số trường hợp đặc biệt khoảng cách xa từ nơi đón khách đến nơi gửi khách lại có sức hấp dẫn đối với một số khách có khả năng thanh toán cao và có tính hiếu kỳ.

- Tài nguyên nhân văn: các giá trị văn hóa, lịch sử, các thành tựu chính trị và kinh tế, các phong tục tập quán cổ truyền ... có sức hấp dẫn đặc biệt đối với phần lớn khách du lịch. Bởi nó đáp ứng được cả nhu cầu tham quan và nghiên cứu của du khách. VD: một số nước có nhiều tượng đài lịch sử từ thời phong kiến như: Cộng hòa Séc, Thổ Nhĩ Kỳ, Đức, Pháp, Liên Bang Nga ... Ở Ai Cập, Hy Lạp, Ấn Độ, Trung Quốc ... lại nổi tiếng với những công trình lịch sử từ thời cổ đại ...

Điều kiện về sự sẵn sàng phục vụ khách du lịch: để phát triển du lịch cần phải cần có những điều kiện về tổ chức, về kỹ thuật, điều kiện về kinh tế.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, và cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội đây là những yếu tố không thể thiếu để thu hút các du khách như: khách sạn, nhà hàng, phương tiện giao thông vận tải, các khu giải trí, công viên, hệ thống thoát nước, mạng lưới điện ... hay hệ thống đường xá, nhà ga, sân bay, bến cảng, đường sắt, hệ thống thông tin viễn thông, viện bảo tàng ...

- Điều kiện về kinh tế: Ngành du lịch là ngành luôn đi đầu về phương diện tiện nghi hiện đại và là ngành liên tục đổi mới do vậy yếu tố kinh tế được đảm bảo thì nguồn vốn sẽ được duy trì, thiết lập, phát triển các mối quan hệ kinh tế với bạn hàng và khách du lịch bởi số lượng, chất lượng, giá cả của sản phẩm du lịch sẽ có đủ sức cạnh tranh trên thương trường.

- Một số tình hình và sự kiện đặc biệt: các hội nghị đại hội, các cuộc hội đàm dân tộc hoặc quốc tế, các cuộc thi olympic, các cuộc kỷ niệm tín ngưỡng hoặc chính trị, các dạ hội liên hoan...đóng vai trò có ích trong sự phát triển du lịch, nếu biết tính toán thì đây là hình thức kéo dài thời vụ du lịch, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật của du lịch hợp lý hơn.

1.2.2. Phát triển du lịch bền vững

1.2.2.1. Khái niệm phát triển du lịch bền vững

Năm 1987, UB thế giới về môi trường và phát triển đã đưa ra định nghĩa: *phát triển bền vững là sự phát triển nhằm đáp ứng những nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương đến khả năng của những thế hệ tương lai*. Điều đó có nghĩa là sự phát triển của cá nhân này không làm thiệt hại đến lợi ích của cá nhân khác và không làm thiệt hại đến lợi ích của cộng đồng, sự phát triển của thế hệ hôm nay không xâm phạm đến lợi ích của thế hệ mai sau.

Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO) đã đưa ra định nghĩa về du lịch bền vững như sau: *Du lịch bền vững được hiểu là sự bảo tồn cơ sở tài nguyên với mục đích phát triển và mở rộng theo hướng tốt hơn trong tương lai bằng cách đảm bảo rằng những nguồn tài nguyên sẽ được bền vững trên đầy đủ các khía cạnh: sinh thái, kinh tế, văn hoá và xã hội.*

Tại ĐH Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định về phát triển bền vững "*phát triển nhanh hiệu quả, bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường"*.

Tại ĐH Đại biểu toàn quốc lần thứ X cụ thể hoá quan điểm phát triển bền vững "*phát triển nhanh đi đôi với nâng cao tính bền vững, hai mặt tác động lẫn nhau, được thể hiện ở cả tầm vĩ mô và vi mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn. Tăng trưởng về số lượng phải đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, phát triển toàn diện con người. Thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội ... phải rất coi trọng, bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển"*.

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã nhấn mạnh: "*Nước ta có điều kiện phát triển nhanh và yêu cầu phát triển nhanh cũng đang đặt ra hết sức cấp thiết. Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững. Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Phải đặc biệt coi trọng giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho Đất nước phát triển nhanh và bền vững"*.

Mặc dù còn những quan điểm chưa thật sự thống nhất về khái niệm Phát triển du lịch bền vững, tuy nhiên cho đến nay đa số ý kiến các chuyên

gia trong lĩnh vực du lịch và các lĩnh vực có liên quan khác ở VN đều cho rằng: "Phát triển du lịch bền vững là hoạt động khai thác có quản lý các giá trị tự nhiên và nhân văn nhằm thỏa mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch, có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn trong khi vẫn đảm bảo sự đóng góp cho bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn về văn hóa để phát triển hoạt động du lịch trong tương lai; cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương". (*PGS. TS Nguyễn Văn Mạnh, Trưởng khoa Du lịch và Khách sạn ĐHKTQD Báo điện tử* 28/07/2008*).*

Như vậy, **phát triển du lịch bền vững là** sự đáp ứng đầy đủ nhất, tiện nghi nhất các nhu cầu của khách du lịch tạo sức hút du khách đến với các vùng, điểm du lịch, đồng thời bảo vệ và nâng cao chất lượng của ngành cho tương lai. Hơn thế nữa, đó còn là hoạt động khai thác có quản lý các giá trị tự nhiên và nhân văn nhằm thoả mãn các nhu cầu đa dạng của khách du lịch, có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn trong khi vẫn đảm bảo sự đóng góp cho bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá để phát triển hoạt động du lịch trong tương lai, cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng địa phương. Điều này đồng nghĩa là phát triển bền vững du lịch phải đảm bảo các nội dung:

- Giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn, du lịch phải thân thiện với môi trường.

- Đảm bảo lợi ích nhiều mặt của cộng đồng dân cư địa phương, tăng thu nhập cho địa phương.

- Phải có trách nhiệm về phát triển du lịch hôm nay và cả mai sau.

1.2.2.2. Nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

1.2.2.2.1. Phát triển du lịch phải phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội

Du lịch là ngành kinh tế liên ngành. Do vậy, phát triển du lịch phải tính đến việc đảm bảo môi trường và phát triển văn hoá - xã hội, đánh giá tác động của môi trường một cách toàn diện để giảm thiểu các tổn hại về môi trường khu vực. Đồng thời các cơ quan chức năng phải thường xuyên giám sát các tác động của du lịch trong quá trình phát triển để có những điều chỉnh phù hợp.

1.2.2.2.2. Phát triển du lịch gắn liền với việc bảo vệ sự sống và bảo tồn tính đa dạng

Tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn là yếu tố quan trọng nhất để phát triển hoạt động du lịch. Do đó, cần phải bảo vệ cấu trúc, chức năng và tính đa dạng của toàn bộ những nguồn tài nguyên này. Trong khi sử dụng các tài nguyên du lịch, các tổ chức phải tôn trọng tính đa dạng của thiên nhiên và văn hoá - xã hội tại nơi diễn ra hoạt động phát triển du lịch, đảm bảo sự phát triển về nhịp độ, quy mô và các loại hình kinh doanh du lịch không làm ảnh hưởng đến sự nhạy cảm của tính đa dạng tự nhiên và tính đa dạng của văn hoá - xã hội bản địa, đảm bảo không phá huỷ tính đa dạng sinh thái tự nhiên. Đặc biệt chia sẻ những lợi ích thu được góp phần vào việc bảo tồn tính đa dạng thiên nhiên, đa dạng sinh thái, đa dạng văn hoá và xã hội.

1.2.2.2.3. Tôn trọng và cải thiện chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Trước khi thực hiện các dự án phát triển du lịch cần phải khảo sát, nghiên cứu địa bàn kỹ lưỡng để giảm thiểu được các tác động tiêu cực tới tài nguyên, môi trường và cuộc sống của cộng đồng dân cư tại địa phương. Thực tế, khi phát triển du lịch sẽ có khả năng tạo ra nhiều việc làm, giải quyết nạn thất nghiệp trong nền kinh tế, tăng thêm thu nhập cho dân cư, cải thiện đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần và hạn chế các tệ nạn xã hội. Bên cạnh đó cần phải chia sẻ công bằng giữa phúc lợi và chi phí trong việc bảo vệ tài

nguyên và môi trường các cộng đồng và các nhóm liên quan, giữa người giàu và người nghèo, giữa thế hệ hiện tại và thế hệ mai sau.

1.2.2.2.4. Khuyến khích sự tham gia của các tầng lớp dân cư

Du lịch đang là ngành kinh tế mũi nhọn, là ngành mang lại hiệu quả kinh tế cao cho nhiều quốc gia, nhiều địa phương. Tuy nhiên, tài nguyên du lịch lại đang bị chính con người vô ý hay cố ý tàn phá nặng nề. Do vậy, trong quá trình con người tham gia vào hoạt động du lịch cần chú trọng tuyên truyền, đào tạo để nâng cao hiểu biết, ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên môi trường và quyền lợi cộng đồng của địa phương. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương vào việc triển khai thực hiện các dự án phát triển du lịch trên địa bàn. Huy động tối đa khả năng của con người và cơ sở vật chất kỹ thuật của cộng đồng địa phương vào việc phục vụ hoạt động phát triển du lịch.

1.2.2.2.5. Tranh thủ ý kiến cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch

Để du lịch phát triển bền vững cần phải thiết lập sự trao đổi thường xuyên với cộng đồng địa phương, với các cấp chính quyền và các ngành có liên quan bằng nhiều hình thức như: Hội thảo, gặp gỡ, trưng cầu ý kiến... Để xác định những phương án phát triển phù hợp, đảm bảo việc khai thác có hiệu quả những tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, đem lại lợi ích cho người dân và sự phát triển bền vững của du lịch. Tất cả các dự án phát triển du lịch cần được phải được cân nhắc kỹ lưỡng để có phương án lựa chọn đem lại quyền lợi cho các bên tham gia và trách nhiệm của họ đối với sự phát triển du lịch. Do đó, nhất là phải thường xuyên trao đổi, tham khảo ý kiến cộng đồng địa phương và các đối tác liên quan.

1.2.2.2.6. Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch phải được thực hiện nghiêm túc, tự giác.

Cần cung cấp cho du khách những thông tin đầy đủ, chính xác để họ có thể hiểu mọi khía cạnh môi trường có liên quan tới chuyến đi du lịch, giúp họ có lựa chọn thích hợp. Cung cấp đầy đủ những thông tin cho du khách về việc cần tôn trọng những di sản văn hóa thiên nhiên ở những nơi mà họ sẽ tới. Để khách du lịch nhận được những tác động tiềm tàng và trách nhiệm của họ đối với cộng đồng. Đồng thời hạn chế các hoạt động du lịch ở những nơi có nền văn hóa, môi trường nhạy cảm, dễ bị tổn hại.

1.2.2.2.7. Các cộng đồng địa phương tự quản lý môi trường

Cộng đồng thường tạo ra những điều kiện thuận lợi và sẵn sàng thực hiện các hành động có ích cho xã hội, vì các cộng đồng hơn ai hết có thể hiểu và quan tâm đến đời sống của chính mình. Nhờ nắm vững tình hình môi trường xung quanh nên khi họ có quyền hạn, các cộng đồng sẽ tự quản lý được môi trường sống một cách thích hợp nhất, tiết kiệm và hiệu quả.

1.2.2.3. Các tiêu chuẩn phát triển du lịch bền vững toàn cầu

* Quản lý hiệu quả và bền vững

- Thực thi một hệ thống quản lý bền vững, phù hợp với quy mô và thực lực của mình để bao quát các vấn đề về môi trường, văn hóa xã hội, chất lượng, sức khỏe và an toàn.

- Tuân thủ các điều luật và quy định có liên quan trong khu vực và quốc tế.

- Lao động trong du lịch cần được đào tạo định kỳ về vai trò của họ trong quản lý môi trường, văn hóa xã hội, sức khỏe và các thói quen an toàn.

- Luôn đánh giá sự hài lòng của khách hàng để có các biện pháp điều chỉnh phù hợp. Quảng cáo đúng sự thật và không hứa hẹn những điều không có trong chương trình kinh doanh.

- Thiết kế và thi công cơ sở hạ tầng:

+ Chấp hành những quy định về bảo tồn di sản tại địa phương;

+ Tôn trọng những di sản thiên nhiên và văn hóa địa phương trong công tác thiết kế, đánh giá tác động, quyền sở hữu đất đai và lợi nhuận thu được;

+ Áp dụng các phương pháp xây dựng bền vững thích hợp tại địa phương;

+ Đáp ứng yêu cầu của các cá nhân có nhu cầu đặc biệt.

- Cung cấp thông tin cho khách hàng về môi trường xung quanh, văn hóa địa phương và di sản văn hóa, đồng thời giải thích cho khách hàng về những hành vi thích hợp khi tham quan các khu vực tự nhiên, các nền văn hóa và các địa điểm di sản văn hóa.

* Gia tăng lợi ích kinh tế xã hội và giảm thiểu tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương

- Tích cực ủng hộ các sáng kiến phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và phát triển cộng đồng như xây dựng công trình giáo dục, y tế và hệ thống thoát nước.

- Sử dụng lao động địa phương, có thể tổ chức đào tạo nếu cần thiết, kể cả đối với vị trí quản lý.

- Các dịch vụ và hàng hóa địa phương nên được doanh nghiệp bày bán rộng rãi ở bất kỳ nơi nào có thể.

- Cung cấp phương tiện cho các doanh nghiệp nhỏ tại địa phương để phát triển và kinh doanh các sản phẩm bền vững dựa trên đặc thù về thiên nhiên, lịch sử và văn hóa địa phương (bao gồm thức ăn, nước uống, sản phẩm thủ công, nghệ thuật biểu diễn và các mặt hàng nông sản).

- Thiết lập một hệ thống quy định cho các hoạt động tại cộng đồng bản địa hay địa phương, với sự đồng ý và hợp tác của cộng đồng

- Đối xử công bằng trong việc tiếp nhận các lao động phụ nữ và người dân tộc thiểu số, kể cả ở vị trí quản lý, đồng thời hạn chế lao động trẻ em. Phải thi hành chính sách chống bóc lột thương mại, đặc biệt đối với trẻ em và thanh thiếu niên, bao gồm cả hành vi bóc lột tình dục. Tuân thủ luật pháp quốc tế và quốc gia về bảo vệ nhân công và chi trả lương đầy đủ.

- Các hoạt động du lịch không được gây nguy hiểm cho nguồn dự trữ cơ bản như nước, năng lượng hay hệ thống thoát nước của cộng đồng lân cận.

* Gia tăng lợi ích đối với các di sản văn hóa và giảm nhẹ các tác động tiêu cực

- Tuân thủ các hướng dẫn và quy định về hành vi ứng xử khi tham quan các điểm văn hóa hay lịch sử, nhằm giảm nhẹ các tác động từ du khách.

- Đồ tạo tác khảo cổ hay lịch sử không được phép mua bán hay trưng bày, trừ khi được pháp luật cho phép. Có trách nhiệm đóng góp cho công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa, khảo cổ và các tài sản có ý nghĩa quan trọng về tinh thần.

- Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của cộng đồng địa phương khi sử dụng nghệ thuật, kiến trúc hay các di sản văn hóa của địa phương trong hoạt động kinh doanh, thiết kế, trang trí, ẩm thực.

* Gia tăng lợi ích môi trường và giảm nhẹ tác động tiêu cực

- *Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên:*

+ Ưu tiên buôn bán những sản phẩm thân thiện môi trường như vật liệu xây dựng, thức ăn và hàng tiêu dùng;

+ Cân nhắc khi buôn bán các sản phẩm tiêu dùng khó phân hủy và cần tìm cách hạn chế sử dụng các sản phẩm này;

+ Tính toán mức tiêu thụ năng lượng cũng như các tài nguyên khác, cần cân nhắc giảm thiểu mức tiêu dùng cũng như khuyến khích sử dụng năng lượng tái sinh;

+ Kiểm soát mức tiêu dùng nước sạch, nguồn nước và có biện pháp hạn chế lượng nước sử dụng.

- *Giảm ô nhiễm:*

+ Kiểm soát lượng khí thải nhà kính và thay mới các dây chuyền sản xuất nhằm hạn chế hiệu ứng nhà kính, hướng đến cân bằng khí hậu;

+ Nước thải, bao gồm nước thải sinh hoạt phải được xử lý triệt để và tái sử dụng;

+ Thực thi kế hoạch xử lý chất thải rắn với mục tiêu hạn chế chất thải không thể tái sử dụng hay tái chế;

+ Hạn chế sử dụng các hóa chất độc hại như thuốc trừ sâu, sơn, thuốc tẩy, thay thế bằng các sản phẩm không độc hại, quản lý chặt chẽ các hóa chất được sử dụng;

+ Áp dụng các quy định giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, ánh sáng, nước thải, chất gây xói mòn, hợp chất gây suy giảm tầng ozon và chất làm ô nhiễm không khí, đất.

Bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên:

+ Các loài sinh vật hoang dã khai thác từ tự nhiên được tiêu dùng, trưng bày hay mua bán phải tuân theo quy định nhằm đảm bảo việc sử dụng là bền vững;

+ Không được bắt giữ các loài sinh vật hoang dã, trừ khi đó là hoạt động điều hòa sinh thái. Tất cả những sinh vật sống chỉ được bắt giữ bởi những tổ chức có đủ thẩm quyền và điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc chúng;

+ Việc kinh doanh có sử dụng các loài sinh vật bản địa cho trang trí và tôn tạo cảnh quan cần áp dụng các biện pháp ngăn ngừa các loài sinh vật ngoại lai xâm lấn;

+ Đóng góp ủng hộ cho hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, bao gồm việc hỗ trợ cho các khu bảo tồn thiên nhiên và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao;

+ Các hoạt động tương tác với môi trường không được có bất kỳ tác hại nào đối với khả năng tồn tại của quần xã sinh vật, cần hạn chế, phục hồi mọi tác động tiêu cực lên hệ sinh thái cũng như có một khoản phí đóng góp cho hoạt động bảo tồn.

CHƯƠNG 2
TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở TỈNH NINH BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2000-2011

2.1. Tiềm năng phát triển du lịch Ninh Bình

2.1.1. Vị trí địa lý, địa hình, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu...

- *Vị trí địa lý:* Ninh Bình là tỉnh nằm ở cực nam Đồng bằng bắc Bộ, cách Hà Hội 93km về phía Nam, có toạ độ dịa lý từ $19^0$50’ đến $20^0$27’ vĩ độ Bắc và $105^0$32’ đến $106^0$33 kinh độ Đông. Về phía Bắc, Ninh Bình giáp Hà Nam, phía Nam giáp Thanh Hoá, phía Tây giáp Hoà Bình, phía Đông giáp tỉnh Nam Định và phía Đông nam giáp Biển Đông. Ninh Bình có 8 đơn vị hành chính bao gồm: Thành phố Ninh Bình (trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh), thị xã Tam Điệp và 6 huyện: Yên Mô, Yên Khánh, Kim Sơn, Gia Viễn, Hoa Lư và Nho Quan.

- *Địa hình*: Năm trong vùng tiếp giáp giữa vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng và dải đá trầm tích ở phía Tây, lại nằm trong vùng trũng tiếp giáp biển Đông nên về địa hình phân thành 3 vùng khá rõ: Vùng đồi núi, vùng

đồng bằng, vùng ven biển. Tổng diện tích đất tự nhiên là 1.390 km^2, trong đó, diện tích đất nông nghiệp của tỉnh là 96.797,2 ha (chiếm 69,7%), đất phi nông nghiệp là 28.466,56 ha (chiếm 20,5%) và đất chưa sử dụng là 13,7 ha (chiếm 9,8%), đất đai tương đối mầu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, trồng cây công nghiệp, phát triển kinh tế trang trại và lâm nghiệp, bao gồm các loại đất như: Đất phù sa (vùng đồng bằng ven biển) thuận lợi cho nuôi trồng thuỷ sản và trồng cây cói; đất phù sa cũ tập trung ở vùng đồng bằng trũng thích ứng cho thâm canh hoa màu, cây lương thực có chất lượng cao; Đất feralitic đỏ - vàng ở vùng nửa đồi núi thích hợp cho việc phát triển các loại cây trồng như cây ăn quả, cây công nghiệp, cây dược liệu.

- Dân số của Ninh Bình là 100,7 vạn người, trong đó dân số trong độ tuổi lao động chiếm 61,03%, mật độ dân số 674 người/km^2. Dân tộc Kinh chiếm đa số, dân tộc Mường là dân tộc thiểu số (chiếm 1,7% dân số), sống ở huyện miền núi Nho Quan, đây là dân tộc còn lưu giữ được nhiều giá trị văn hoá truyền thống hấp dẫn du lịch.

- *Về khoáng sản*: Ninh Bình có một khối lượng đá vôi khổng lồ, với trên 12.000 ha núi đá vôi với trữ lượng hàng chục tỷ m^3 đá vôi, hàng chục triệu tấn đô-lô-mít và đất sét phân bổ rải rác ở các vùng đồi núi thấp. Đây là tiềm năng to lớn để sản xuất vật liệu xây dựng như: Xi măng, gạch, ngói, đá xây dựng... Ninh Bình có hệ thống suối nước khoáng có vị mặn, thành phần magiêbicarbonat cao, trữ lượng lớn, nhiệt độ 53 - 54^0C, có thể đưa vào khai thác để sản xuất nước giải khát và tắm ngâm chữa bệnh kết hợp với du lịch (Suối khoáng nóng Kênh Gà và Cúc Phương). Bên cạnh đó, còn có một số tài nguyên khoáng sản khác như: Than bùn (trữ lượng nhỏ, khoảng 2 triệu tấn), cát xây dựng, sét gốm sứ, sét xi măng... Với hơn 15 km bờ biển, được bồi đắp hàng năm từ 80 - 100m, thuận tiện để phát triển kinh tế ven biển bao gồm: nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thuỷ, hải sản,...

- *Về khí hậu*: Ninh Bình có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Thời tiết hàng năm chia làm 4 mùa khá rõ. Nhiệt độ trung bình khoảng 23^0C. Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất (Tháng 1) từ 13 - 15^0C và tháng cao nhất (tháng 7) khoảng $28,5^0$C. Tổng số giờ nắng trung bình năm trên 1.100 giờ. Tổng nhiệt độ năm đạt tới trị số trên 8.500^0C, trong năm có tới 8 - 9 tháng nhiệt độ trung bình trên 20^0C. Lượng mưa trung bình trên 1.800mm, phân bố không đều, tập trung 70% vào mùa hạ (từ tháng 5 đến tháng 9). Mùa khô kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau ít mưa, khô lạnh.

2.1.2. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội:

- *Cấp điện:* Nhà máy điện Ninh Bình công suất hiện tại 1100MW cộng với hệ thống lưới điện quốc gia (cao thế và hạ thế) khá hoàn chỉnh.

- *Cấp nước:* Tất cả các huyện, thị xã đã xây dựng nhà máy nước có công suất đảm bảo nhu cầu cung ứng nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.

- *Thông tin liên lạc*: Mạng lưới điện thoại, viễn thông đã phủ kín toàn tỉnh và trực tiếp liên lạc với các tỉnh trong nước và quốc tế. Bình quân có 40,6 máy/100 dân, hệ thống internet tốc độ cao cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận với môi trường bên ngoài, đặc biệt là vấn đề quảng bá và giới thiệu tiềm năng của tỉnh nói chung và tiềm năng du lịch nói riêng.

- *Hệ thống giao thông*: Ninh Bình là điểm nút giao lưu giữa miền Bắc - niền Nam, giữa đồng bằng duyên hải Bắc Bộ với vùng núi Tây Bắc. Ninh Bình có mạng lưới giao thông đường thuỷ, đường bộ đa dạng, phong phú và rất thuận tiện. Đường sắt Nam Bắc, Quốc lộ 1A, đường cao tốc, Quốc lộ 10 đi qua trung tâm thành phố Ninh Bình; đường Hồ Chí Minh chạy qua địa phận phía tây Bắc tỉnh; Đường thuỷ có thể vận tải, đi lại thuận tiện tại tất cả các khu vực trong tỉnh. Cảng Ninh Phúc trên Sông Đáy cách thành phố 3km, cách cửa biển 70km, có công suất bốc xếp 2 triệu tấn/năm, tàu 1.000 tấn ra vào thuận tiện (hiện nay cảng đang được đầu tư mở rộng nâng công suất lên 3

triệu tấn/năm và tàu 3.000 tấn ra vào được); hệ thống giao thông nội tỉnh, hệ thống nhà ga, bến bãi, kho tàng đã được xây dựng khá tốt.

- *Đào tạo - dạy nghề:* Tỉnh có một trường Đại học đào tạo đa ngành (Đại học Hoa Lư), Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật và Tại chức, 4 trường Cao đẳng dạy nghề (Trường cao đẳng Y tế, ba trường cao đẳng kỹ thuật của Trung ương), 4 trường trung cấp nghề, 5 trung tâm đào tạo nghề của địa phương và nhiều cơ sở đào tạo nghề của các tổ chức, cá nhân; chất lượng đào tạo những năm qua có nhiều tiến bộ, đáp ứng cơ bản nhu cầu xã hội.

- *Y tế:* Ninh Bình đã xây dựng được mạng lưới y tế hoàn chỉnh từ tỉnh đến cơ sở. Chất lượng công tác phòng chống, khám và điều trị bệnh được đánh giá cao. Tuyến tỉnh có Bệnh viện đa khoa 700 giường, các bệnh viện chuyên khoa và trung tâm y tế dự phòng. Tuyến huyện, thị xã, thành phố mỗi đơn vị có một bệnh viện đa khoa quy mô từ 120 - 200 giường và các phòng khám khu vực quy mô 20 giường. Mỗi xã, phường, thị trấn có một trạm y tế, trong đó 80% số trạm đã có bác sĩ.

- *Tài nguyên du lịch*: Mặc dù là địa phương xa Trung tâm kinh tế lớn của cả nước, xa sân bay, cảng biển, nhưng Ninh Bình lại được thiên nhiên ưu ái ban tặng những điều kiện tự nhiên mà các địa phương khác không thể có được như: Quần thể núi non hang động đẹp được ví như" Hạ Long cạn" (khu hang động Tràng An, khu Tam Cốc - Bích Động...) vườn nguyên sinh quốc gia Cúc Phương, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, suối nước nóng Kênh Gà... Ngoài ra, Ninh Bình cũng sở hữu kho tài nguyên lịch sử nhân văn hết sức phong phú và độc đáo như: Cố Đô Hoa Lư, Nhà thờ đá Phát Diệm, phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn...

- *Cơ sở dịch vụ du lịch*: Trong chiến lược phát triển, Ninh Bình xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Những năm gần đây Trung ương và địa phương đã tập trung đầu tư khá lớn cho việc nâng cấp và mở rộng cơ sở

hạ tầng và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển du lịch. Theo quy hoạch phát triển du lịch đã được phê duyệt, toàn tỉnh đã quy hoạch làm 07 khu du lịch chính. Nhiều dự án đầu tư cơ sở hạ tầng đã và đang được thực hiện nhằm tạo diện mạo mới cho các khu du lịch. Ninh Bình có 2.796 khách sạn, nhà hàng. Hiện nay, tỉnh Ninh Bình đang tập trung đầu tư xây dựng các khu nghỉ dưỡng cao cấp, khách sạn đạt tiêu chuẩn từ 4 sao trở lên và các nhà hàng lớn có sức chứa trên 1.000 bàn ăn.

2.1.3. Truyền thống văn hoá - lịch sử của vùng đất cố đô Hoa Lư

- Di tích lịch sử - văn hoá cố đô Hoa Lư:

Cố đô Hoa Lư cách Thủ đô Hà Nội khoảng 90km, thuộc địa phận xã Trường yên, huyện Hoa Lư, rộng 300 ha. Đây là vùng đất hấp dẫn bởi cảnh đẹp thiên nhiên kỳ thú, non nước hữu tình hoà quyện với các di tích lịch sử - văn hoá đặc sắc của dân tộc. Hoa Lư là Kinh đô đầu tiên của nền văn minh Đại Cồ Việt trong suốt 42 năm (968-1010) của ba triều đại phong kiến tập quyền: Triều Đinh - Tiền Lê và mở đầu triều Lý. Hoa Lư ngàn năm sáng mãi với tên tuổi vua Đinh Tiên Hoàng, vua Lê Đại Hành, vua Lý Thái Tổ. Ba con người, ba cuộc đời kiệt xuất, tiêu biểu cho ba triều đại huy hoàng, sáng chói. Như một sự bắt đầu, một sự kế thừa, một sự phát triển đi lên mới mẻ, làm cho Hoa Lư đi vào lịch sử như một mốc son chói ngời trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Hơn một nghìn năm qua, trải qua bao biến động của thiên nhiên và lịch sử kiến trúc Kinh đô Hoa Lư xưa không còn nữa, song các di tích liên quan đến triều Đinh - Tiền Lê và triều Lý nay vẫn còn được lưu giữ. Đó là đền thờ vua Đinh và vua Lê nổi tiếng. Tương truyền, khi nhà Lý dời đô ra Thăng Long năm 1010. Mang theo tất cả đền đài, cung điện và cả tên đất, tên làng của đế đô Hoa Lư dựng hai ngôi đền nằm trên nền cung điện cũ để thờ vua Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại hành. Đền được xây dựng theo kiểu "nội công,

ngoại quốc" các công trình kiến trúc đăng đối theo trục chính đạo. Tuy tu bổ và tôn tạo nhiều lần, khu đền vẫn giữ được vẻ cổ kính, thâm nghiêm. Ngoài ra, khu di tích Cố đô Hoa Lư vẫn còn giữ được dấu tích của các Cung điện xưa như: Chùa Nhất Trụ, các cột kinh Phật... Những di tích còn lại chỉ là sự mô phỏng nhưng nó cũng giúp cho du khách hồi tưởng về một Cung điện nguy nga, tráng lệ xưa kia. Ngoài ra, còn có những công trình có giá trị như lăng Vua Đinh, Vua Lê, nhà bia tưởng niệm Vua Lý Thái Tổ, chùa Nhất Trụ, đền thờ công chúa Phất Kim, chùa Đìa, chùa Bà Ngô...

Đến với Hoa Lư du khách được thư giãn trong cảnh đẹp thiên nhiên với sự đa dạng sinh thái của nó. Khối đá vôi Hoa Lư - Ninh Bình là tầng trầm tích cacbonát xen kẹp các lớp đôlômít và phiến sét, được tạo thành cách đây khoảng 215 ± 5 triệu năm. Khi đó núi đá vôi là những hòn đảo được biển bao bọc. Do đá vôi hình thành và tồn tại khá dài, cộng với các hoạt động kiến tạo và quá trình phong hoá nên đã hình thành nhiều tầng hang động Castơ. Xen kẽ với rừng trên núi đá vôi là các thung lũng, sông, suối tạo thành cảm quan hấp dẫn. Du khách có thể đi tham quan núi Mã yên. Núi nằm ngay trước cửa đền thờ vua Đinh, có hình chiếc yên ngựa. Theo sự tích, Vua Đinh Tiên Hoàng định đô ở Trường Yên đã lấy núi này làm" án". Lăng vua Đinh ở chính giữa yên ngựa, là nơi ngọn núi võng xuống rộng khoảng 20m^2, đầu lăng quay về phía đền thờ vua Đinh, có đắp nổi hình" Lưỡng long chầu nguyệt". Cả khu có 50 hang động đẹp. Điển hình là hang động Thiên Tôn, động An Tiêm, động Liên Hoa, hang Muối, Hang Tiền, hang Địa linh... Mỗi hang động không chỉ là công trình nghệ thuật tuyệt vời của tạo hoá mà còn mang trên mình những sự tích, những công trình văn hoá tín ngưỡng và cả những bài thơ xáo động lòng người. Với phông môi trường sinh thái đa dạng là tiền đề cho một thế giới sinh vật phong phú. Trong số 577 loài thực vật thống kê được, có 311 loài có thể dùng làm thuốc. Tài nguyên cây cảnh ghi nhận được 76 loài.

Giá trị nhất là hai loài Tuế và các loại thuộc họ Lan. Động vật thuỷ sinh trong vùng ngập nước Hoa lư hiện còn tồn tại tương đối phong phú, bao gồm 30 loài động vật nổi, 47 loài động vật đáy. Đặc biệt là loài Rùa cổ sọc, khỉ, sơn dương, tê tê, tắc kè, trăn, rắn và các loài chim như: phượng hoàng đất, vẹt, cò... Hoa lư - một vùng du lịch văn hoá - lịch sử và thiên nhiên hấp dẫn. đó là điểm đến của sinh viên, những nhà nghiên cứu khoa học, những du khách say mê về văn hoá, lịch sử và môi trường sinh thái.

- Lễ hội truyền thống:

Nét sinh hoạt văn hoá mang đậm phong tục tập quán của người dân Ninh Bình là lễ hội, là dịp để đất trời và con người được cùng giao hoà, là dịp tế lễ các vị thần linh, cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tốt tươi, cầu cho Quốc thái, dân an, là dịp tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, các vị thành hoàng làng đã có công dựng làng, lập ấp, dạy nghề mang lại cuộc sống hạnh phúc, ấm no. Đây cũng là dịp để những trai tài, gái sắc tham gia các trò chơi, thi thố tài năng như thi thư pháp, thi hát, thi kéo co, đấu vật, nấu cơm, làm bánh... Đến với Ninh Bình du khách sẽ cảm nhận được cái tinh tuý, cái độc đáo riêng có được ẩn hiện trong không khí hư hư thực thực của các lễ hội truyền thống vùng đất giàu tiềm năng du lịch này.

Ninh Bình là một địa phương còn lưu giữ được nhiều lễ hội dân gian. Ngoài ý nghĩa tâm linh, lễ hội còn là nơi giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Hiện nay, toàn tỉnh còn duy trì được 74 lễ hội lớn nhỏ, nhưng lễ hội lớn nhất và thu hút nhiều du khách nhất đó là lễ hội truyền thống Cố Đô Hoa Lư mang đậm bản sắc địa phương, là hành trình tìm về cội nguồn dân tộc. Các nghi lễ là sự mô phỏng, tôn vinh những giá trị văn hoá trong thời kỳ Đinh - Tiền Lê. Trải qua rất nhiều biến cố lịch sử, Lễ hội Hoa Lư đã có sự" cải biên"để phù hợp với hiện tại, nhưng phần lễ vẫn được giữ nguyên bản từ đời này qua đời khác, bao gồm lễ rước nước, tế lế cổ truyền... Bên cạnh việc khôi phục lại các

nghi lễ truyền thống là những trò chơi dân gian: đấu vật, bắn nỏ, bắn cung, cờ người... Các hoạt động văn hoá như: diễn tích" cờ lau tập trận", tích" Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế", Hội trại văn hoá dân tộc, Hội thi người đẹp kinh đô Hoa Lư, thi mâm ngũ quả tiến vua, thu thư pháp, thi giọng hát chèo hay... được du khách đánh giá rất cao và nhiệt tình tham gia.

Ngoài ra, Ninh Bình còn có rất nhiều các lễ hội tiêu biểu khác như: Lễ hội đền Thái Vi (tưởng nhớ các vị vua Trần, đặc biệt là vua Trần Thái Tông, người đã về chiêu dân, lập ấp, xây dựng căn cứ đại Văn Lâm, làm gậy cứ để chống giặc Nguyên Mông lần thứ 2 và năm 1285); lễ hội chùa Bái Đính (gắn liền với công đức của Lý Quốc Sư - Nguyễn Minh Không); Lễ hội đền Nguyễn Công Trứ, ghi nhớ công lai khai khẩn ruộng đất, chiều mộ dân lưu vong của Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ, lễ hội Đền dâu (Thị xã Tam Điệp), Lễ hội" Báo bản"làng Nộm Khê (Yên Mô) và rất nhiều hội làng với những nghi thức tôn nghiêm và thuần Việt nối đời: tế lễ cổ truyền, rước, trò chơi dân gian và hát xướng...

- Làng nghề truyền thống;

Nghề truyền thống ở Ninh Bình đã hình thành, lưu tồn cùng với các thế hệ qua nhiều thế kỷ. Nghề thủ công có từ thời cổ xưa, kết hợp với nghề nông, sớm hình thành một hình thái kinh tế mà trong đó lao động sản xuất vừa" chuyên"vừa" không chuyên", bảo đảm đời sống của cư dân trong tỉnh.

Ninh Bình hiện có khoảng 160 làng trong tổng số 1.500 làng, thôn, bản còn lưu tồn và phát triển các nghề truyền thống, với trên 40 nghề khác nhau, trong đó có gần 20 làng nghề tiêu biểu. Đó là những làng mà ở đó số lao động kể cả những người ngoài độ tuổi lao động tham gia làm nghề, số các hộ gia đình có người làm nghề chiếm một tỷ lệ nhất định và mức thu nhập từ nghề truyền thống chiếm tỷ trọng lớn so với tổng thu nhập kinh tế của cả làng nói chung và của mỗi hộ gia đình nói riêng. Những nghề truyền thống tiêu biểu ở

Ninh Bình hiện nay là: nghề chạm khắc đá (xã Ninh Vân); nghề thêu ren (xã Ninh Hải); nghề làm hàng cói (các huyện Kim Sơn, Yên Khánh, Yên Mô); nghề mộc (phường Ninh Phong); nghề mây tre đan (ở huyện Gia Viễn, Nho Quan)... có những nghề truyền thống đã tồn tại 600 - 700 năm. Với hầu hết các nghề truyền thống thì sự liên kết các cá thể là thành viên trong mỗi họ giáp, mỗi thôn làng gắn bó mật thiết. Các nghề truyền thống thường để lại dấu ấn văn hoá đặc trực, trong đó có "văn hoá tâm linh" "văn hoá nghệ thuật" có những sản phẩm đặc sắc được chế tác thủ công ở Ninh Bình (như sản phẩm cói, thêu ren, chạm khắc đá mỹ nghệ...) còn rất ít nghệ nhân với kết hợp tài tình sự tinh luyện, óc sáng tạo và yếu tố bí truyền. Các sản phẩm từ nghề truyền thống ở Ninh Bình đã đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Do vậy, doanh thu từ các nghề truyền thống tăng lên rõ rệt hàng năm, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu nhập kinh tế của nhiều địa phương. Phát triển các nghề truyền thống cũng chính là "một định hướng công nghiệp hoá" là tiền đề quan trọng quá trình xã hội hoá du lịch làng nghề ngày nay của tỉnh Ninh Bình.

- *Văn hoá ẩm thực:*

Ở Ninh Bình, cứ mỗi cùng miền trên dải đất này lại có những món ăn đặc sản riêng, làm cho du khách cả trong nước và quốc tế đến đây thưởng thức đều ngạc nhiên, thích thú, say lòng.

Đến với vùng đất mở Kim Sơn có bún mọc, gỏi Nhệch, rượu nếp Lai Thành. Sắc màu, hương vị của những món ăn, thức uống này được chế biến, chưng cất với cả một nghệ thuật, kỹ năng dầy công tích luỹ. Về Yên Mô, ta sẽ được thưởng thức đặc sản nem chua Yên Mạc, rượu nếp Yên Lâm, bánh đa chợ Lồng. Đến với Hoa Lư, đất kinh đô xưa có những món ăn và phong cách ẩm thực độc đáo. Có những món đặc sản dù mới xuất hiện vài ba thập kỷ nhưng đã thực sự chinh phục thực khách. Đó là những món ăn được chế biến

từ thịt dê núi, cá rô Tổng Trường, cá trầu tiến vua. Đã trở thành thương hiệu, bất kỳ du khách nào khi về với Ninh Bình là tìm đến món Nhất hưởng thiên kim (cơm cháy) tái dê và miến lươn. Tất cả hương vị đặc trưng của nét văn hoá ẩm thực Ninh Bình... gói gọn trong âm điệu "đậm đà, khó quên".

2.1.4. Giá trị văn hoá tâm linh - Phật giáo và Thiên chúa giáo.

Trong lịch sử cũng như hiện nay, dân tộc Việt Nam không có quốc đạo, mà có rất nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau cũng tồn tại và phát triển, trong đó có cả tôn giáo truyền thống, tôn giáo nội sinh lẫn tôn giáo ngoại nhập. Hệ thống tôn giáo dân tộc, tiêu biểu là đạo thờ cúng tổ tiên, có đóng góp tích cực vào việc củng cố mối quan hệ gia đình, liên kết cộng đồng, cố kết dân tộc. Tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam có đặc điểm nổi bật là tính đa nguyên, dung hợp không mâu thuẫn kỳ thị tôn giáo. Truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam gắn bó, đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, và ngày nay đang "sống phúc âm trong lòng dân tộc" trong tiến trình hội nhập. Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân, quan tâm chăm lo đến việc giữ gìn và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc, trong đó có các giá trị văn hoá tâm linh. Các địa phương và nhân dân đã đầu tư nhiều công sức, tiền của để xây dựng các công trình văn hoá tâm linh với xây dựng các cảnh quan du lịch, thu hút khách thập phương, kết hợp tổ chức nhiều hoạt động lễ hội văn hoá - du lịch khá ấn tượng.

Việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá tâm linh ở tỉnh Ninh Bình được đặc biệt chú trọng, bởi lẽ Ninh Bình được mệnh danh là "Thủ đô của cả phật giáo và Thiên chúa giáo". Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có hai tôn giáo chính là Phật giáo và Thiên chúa giáo với tổng số 198.390 tín đồ, chiếm 21,39% dân số (tín đồ đạo Thiên chúa, chiếm 16,33% dân số, tín đồ Phật giáo chiếm 5,06% dân số). Đạo công giáo được du nhập vào Ninh Bình từ thế kỷ

XVII. Giáo phận Phát Diệm là một trong những giáo phận lớn và lâu đời ở Việt Nam. Hiện nay, giáo phận có 75 giáo xứ, 352 giáo họ, 427 hội đoàn với 63 linh mục. Đạo Phật phát triển ở Ninh Bình từ thế kỷ thứ X. Giáo hội Phật giáo có 350 chùa với 253 tăng ni. Đặc biệt có Chùa Bái Đính mới được mở rộng với quy mô hoành tráng trên diện tích 700 ha, đây sẽ là trung tâm văn hoá tâm linh Phật giáo không chỉ lớn nhất Việt Nam mà còn có tầm cỡ trong khu vực. Về tín ngưỡng dân gian, trên địa bàn toàn tỉnh có 1023 cơ sở, có 242 đình, 380 đền, 209 miếu, 148 phủ... Hệ thống các di tích văn hoá - lịch sử, các công trình thờ tự... làm cho Ninh Bình tiềm ẩn những giá trị văn hoá tâm linh phong phú, đa dạng.

2.2. Thực trạng phát triển du lịch theo hướng bền vững ở Ninh Bình

2.2.1. Tình hình tăng trưởng

2.2.1.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch:

* Cơ sở lưu trú du lịch:

Ninh Bình có tài nguyên du lịch phong phú và độc đáo tuy nhiên để du khách biết và đến với sản phẩm du lịch Ninh Bình thì điều kiện không thể thiếu đó chính là cơ sở lưu trú. Hiện nay lượng du khách quốc tế đến với du lịch Việt Nam ngày càng gia tăng, du lịch nội địa cũng tăng đáng kể. Cùng với xu hướng đó lượng khách du lịch đến Ninh Bình ngày một tăng làm thúc đẩy sự phát triển của các cơ sở lưu trú. Hàng loạt các khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ của các thành phần kinh tế, các cơ quan, các tổ chức và tư nhân lần lượt ra đời với sự phát triển cả về số lượng và quy mô, đổi mới về phương thức hoạt động.

Năm 1992, toàn tỉnh chỉ có duy nhất 1 khách sạn Hoa Lư được tách ra từ Công ty du lịch Hà Nam Ninh với 33 phòng nghỉ. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 35 cơ sở lưu trú với 500 phòng, đến năm 2010 số cơ sở lưu trú là 187 với

2.868 phòng, tăng 5,34 lần, năm 2011 số cơ sở lưu trú tăng lên 198 với 3.122 phòng tăng 6,24 lần so với năm 2000. Có 51 cơ sở lưu trú được xếp hạng sao, trong đó 01 cơ sở được thẩm định đạt tiêu chuẩn 4 sao, 02 cơ sở được thẩm định đạt tiêu chuẩn 3 sao, 10 cơ sở đạt tiêu chuẩn 2 sao. Giá phòng của các cơ sở lưu trú không cao lắm nên tương đối cạnh tranh so với hầu hết các địa phương trong vùng.

Bảng 2.1. Bảng số lượng cơ sở lưu trú tại Ninh Bình từ năm 2000-2011

Hạng mục	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Tổng số CSLT	35	38	40	45	60	76	86	95	104	110	187	198
Tổng số phòng	500	511	561	616	815	1.051	1.157	1348	1589	1700	2868	3122
Tổng số giường	800	869	937	1064	1468	1742	1933	2213	2639	2854	3104	3505
Trong đó												
Số CS được xếp sao		1	2	4	5	8	9	11	21	25	48	51
Số lượng phòng		103	133	196	234	283	298	359	709	900	1430	1520
Công suất sử dụng phòng (%)	32	37	40	23	34	35	38	41	43	48	63	64

Nguồn: Sở VH – TT – DL tỉnh Ninh Bình

** Cơ sở hạ tầng:*

Nghị quyết số 15-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 triển khai bước đầu có hiệu quả. Kết cấu hạ tầng du lịch được tăng cường, tạo ra bước phát triển mới, có tính đột phá. Các dự án trọng điểm như khu du lịch Tràng An, Bái Đính, Tam Cốc - Bích Động, khu di tích lịch sử-văn hoá Cố đô Hoa Lư, các công trình phục vụ Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, hồ Đồng Chương, Yên Thắng, ... được tập trung đầu tư xây dựng. Chính sách khuyến khích xây dựng cơ sở lưu trú từng bước phát huy tác dụng; số cơ sở lưu trú trên địa bàn tăng nhanh từ 35 cơ sở năm 2000 lên 198 cơ sở lưu trú vào năm 2011 .

Ninh Bình có mạng lưới giao thông đường thuỷ, đường bộ đa dạng, phong phú, nằm trên quốc lộ 1A, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển khách du lịch và kết nối các tour du lịch với các điểm du lịch khác trong tỉnh. Tất cả các tuyến đường giao thông vào khu du lịch đều được bê tông hoá, rải nhựa. Hệ thống điện cung cấp đầy đủ tới các khu du lịch. Mạng lưới viễn thông được phủ kín toàn tỉnh, có thể liên lạc với các tỉnh trong nước và quốc tế tại các điểm du lịch.

2.2.1.2. Lực lượng lao động trong ngành du lịch:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lao động trong ngành du lịch được chú trọng trong thời gian gần đây với thuận lợi có 1 trường ĐH đa ngành, trường TH Kinh tế - Kỹ thuật và Tại chức, 4 trường Cao đẳng dạy nghề, 4 trường trung cấp nghề, 5 trung tâm đào tạo nghề của địa phương và nhiều cơ sở đào tạo nghề của các tổ chức, cá nhân do vậy chất lượng lao động nói chung và chất lượng lao động ngành du lịch nói riêng đã được nâng lên đáng kể.

Hàng năm, tỉnh phối hợp với các trường ĐH Kinh tế Quốc dân, ĐH Kinh tế - ĐHQG Hà Nội, Cao đẳng Du lịch Hà nội, Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch cùng các Ban quản lý khu du lịch, UBND các Huyện, Xã các doanh nghiệp mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho hàng trăm học viên là cán bộ nhân viên công tác trong ngành du lịch, các lớp bồi dưỡng kiến thức cộng đồng du lịch cho hàng nghìn bà con nhân dân trong vùng có điểm du lịch và các lớp nâng cao nghiệp vụ ngoại ngữ cho cán bộ nhân viên đang công tác trong ngành du lịch.

Bảng 2.2. Chất lượng nguồn lao động ngành du lịch Ninh Bình

ĐVT: Người

Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
1.LĐ làm DL trên địa bàn	5.500	5.510	5.500	5.620	5.700	6.000	6.500	6.750	7.500	7.850	7.930	7.951
2.Trình độ ĐT												

CĐ – ĐH	23	30	45	50	70	85	183	196	230	256	293	345
Trung cấp	121	135	165	195	158	190	322	410	520	545	552	583
Loại khác	116	120	160	195	215	255	220	239	311	330	400	426
Trình độ NN	90	135	147	180	286	290	297	300	354	367	475	482
Chưa qua ĐT	5.162	5.157	5.091	5.150	5.079	5.350	5.478	5.605	6.085	6.352	6.210	6.115

Nguồn: Sở VH-TT-DL Ninh Bình

Như vậy, năm 2000 lượng lao động hoạt động trong ngành du lịch là 5500 lao động thì năm 2011 là 7.951 lao động, tăng 44, 56%, trong đó lao động có trình độ ĐH-CĐ tăng từ 23 lao động lên 345 lao động, tăng gấp 15lần, trung cấp từ 121 lao động lên 583 lao động, tăng 4,82 lần điều đó chứng tỏ trình độ nghiệp vụ của đội ngũ lao động du lịch đã được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ lao động được đào tạo bước đầu đã được nâng cao. Tuy nhiên, một thực tế không thể phủ nhận đó là lao động du lịch hoạt động mang tính mùa vụ rất cao, lao động chuyên nghiệp trong ngành còn ít do đó họ chưa thể sống bằng chính thu nhập do ngành mang lại, trong thời gian tới cần phải có những chính sách đúng đắn và chính sách đãi ngộ để phát triển nguồn nhân lực hơn nữa.

2.2.1.3. Khách du lịch và doanh thu du lịch

Bảng 2.3. Tình hình khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn 2000-2011

Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng số khách đến	401.516	303.707	306.758	394.550	708.956	1.011.371
Tốc độ phát triển%		-24,36	1,005	28,61	79,68	42,65
Khách Việt Nam	318.738	193.539	206.849	290.547	408.666	590.965
Tốc độ phát triển%		-39,3	6,877	40,46	40,60	44,60
Khách nước ngoài	82.778	110.168	99.909	104.003	300.290	420.406
Tốc độ phát triển%		33	-9,312	4,097	188,73	40

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Tổng số khách đến	1.263.356	1.519.179	1.898.800	2.387.700	3.316.000	3.600.000

Tốc độ phát triển%	24,91	20,24	24,98	25,74	38,87	8,56
Khách Việt Nam	777.756	935.208	1.331.802	1.774.171	2.617.000	2.932.560
Tốc độ phát triển%	31,60	20,24	42,40	33,21	47,50	12,05
Khách nước ngoài	485.600	583.931	566.998	613.529	699.000	667.440
Tốc độ phát triển%	15,50	20,04	-2,90	8,20	13,93	-4,515

Qua biểu trên ta thấy lượng khách đến Ninh Bình qua các năm có tốc độ tăng không đều. Năm 2004 có tốc độ phát triển cao nhất cả khách nội địa tăng và khách quốc tế tăng 79,68%. Trong đó khách quốc tế tăng 188,73% và khách nội địa tăng 40,60%. Lượt khách đến Ninh Bình năm 2000 là 401.516 lượt thì năm 2011 là 3.600.000 lượt, tăng gấp 8,97 lần so với năm 2000, tăng gấp 3,56 lần so với năm 2005, bình quân số ngày lưu trú tại Ninh Bình đạt 1,5 ngày; doanh thu du lịch đạt 632,542 tỷ đồng gấp 10,01 lần so với năm 2005. Tốc độ phát triển có xu hướng tăng dần tuy nhiên năm 2001, năm 2002 giảm so với năm 2000 về lượt khách , đây là do nguyên nhân khách quan bởi dịch SARS cho nên nhiều du khách quốc tế đã huỷ bỏ chuyến bay đến Việt Nam. Bước sang năm 2003 do chúng ta là nước đầu tiên khống chế được dịch SARS và dịch cúm gia cầm nên lượng khách nội địa và quốc tế đã tăng rất nhanh trở lại vào năm 2004 so với năm 2003 là 40,60% khách nội địa và 188,73% khách quốc tế và tiếp tục tăng đều vào các năm sau, đặc biệt tăng 38,87% vào năm 2010. Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng chung của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và sự khó khăn của cả nền kinh tế nên năm 2011 tỷ lệ gia tăng số lượt khách du lịch tới Ninh Bình tăng chậm, thậm chí số lượt khách quốc tế đến Ninh Bình còn giảm nhẹ.

Bảng 2.4. Số ngày lưu trú của khách du lịch tỉnh

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Tổng số ngày khách lưu trú	61.537	59.035	149.558	52.556	129.491	260.259	308.580	657.050	246.197	324.465	356.038	376.237

Ngày lưu trú của khách nội địa	52.410	50.956	135.085	34.633	119.871	245.319	290.065	617.627	210.273	275.999	284.310	300.895
Ngày lưu trú của khách nước ngoài	9.127	8.079	14.473	8.923	9.620	14.940	18.515	39.423	35.924	48.466	71.728	75.342

Ninh Bình giai đoạn 2000- 2011

Đơn vị tính: Ngày

Nguồn: Sở VH-TT-DL Ninh Bình

Số lượt khách du lịch tới Ninh Bình ngày càng có sự tăng nhanh, số lượng khách lưu trú cũng tăng cao trong những năm gần đây, tuy nhiên số ngày lưu trú chưa nhiều so với tiềm năng về cơ sở lưu trú của Ninh Bình, hiệu suất sử dụng của các cơ sở lưu trú mới khoảng 64% vào năm 2011. Số lượng khách nước ngoài lưu trú tại Ninh Bình còn rất hạn chế năm 2011 là 75.342 ngày trong khi số lượt khách nước ngoài tới Việt Nam vào năm 2011 là 667.440 lượt.

Bảng 2.5. Doanh thu ngành du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2000- 2011

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	**2000**	**2001**	**2002**	**2003**	**2004**	**2005**	**2006**	**2007**	**2008**	**2009**	**2010**	**2011**
Tổng doanh thu	28,000	30,560	40,411	41,612	51,000	63,177	87,997	109,012	162,100	250,134	549,908	632,542
Tốc độ tăng doanh thu		9,1%	32%	2,9%	22%	24%	39,3%	23,9%	48,6%	54,3%	117%	15,03%
Nộp ngân sách	3,500	3,500	4,637	4,500	6,060	7,463	8,633	10,512	16,150	25,350	55,000	63

Nguồn: Sở VH-TT-DL Ninh Bình

Trong thời gian qua chất lượng sản phẩm du lịch của Ninh Bình được nâng cao, cơ sở hạ tầng kinh tế phát triển du lịch được đầu tư, hình thành các khu vui chơi giải trí gắn với tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, đặc biết khuyến khích các loại hình du lịch sinh thái… đã giúp du lịch có những bước phát triển đáng kể. Qua biểu trên ta thấy thực trạng doanh thu từ du lịch trong năm 2000 là 28 tỷ đồng và có sự tăng đều qua các năm, từ năm 2006 có tốc

độ tăng doanh thu cao năm 2010 là 117%, đóng góp cho ngân sách Nhà nước năm 2010 là 55 tỷ đồng. Năm 2011 số lượt khách tới Ninh Bình có tỷ lệ tăng chậm nhưng vẫn đảm bảo mức tăng trưởng nhất định và đóng góp cho ngân sách nhà nước 63 tỷ đồng. Tốc độ tăng doanh thu bình quân từ năm 2000 – 2011 đạt 35,28%.

2.2.2. Tình hình giải quyết các vấn đề xã hội

** Vấn đề môi trường sinh thái:*

Đối với bất kỳ ngành kinh tế nào, sự phát triển bền vững cũng gắn liến với vấn đề môi trường. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với sự phát triển của ngành du lịch, nơi môi trường được xem là yếu tố sống còn quyết định sự tồn tại của các hoạt động du lịch. Trong những năm gần đây trong công tác quy hoạch du lịch và quy hoạch giữa các ngành có liên quan đã chú ý tới vấn đề bảo vệ môi trường, đồng thời tuân thủ những quy định về môi trường của pháp luật: Luật môi trường năm 2005, trong lĩnh vực du lịch, hoạt động quản lý đảm bảo môi trường được cụ thể hoá tại nghị định 02 về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch và chỉ thị 07 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giữ gìn trật tự trị an và vệ sinh môi trường tại các địa điểm tham quan du lịch. Bất cứ một dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đầu phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuy vậy, để đảm bảo cho một chiến lược phát triển môi trường bền vững thì con người có vị trí quan trọng hàng đầu, để có được đội ngũ cán bộ du lịch, được những người dân, những du khách tham gia hoạt động du lịch tự ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường là do chúng ta đã luôn luôn tuyên truyền, nâng cao dân trí để họ có sự hiểu biết cao về môi trường, về mối quan hệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt luôn có sự khuyến khích và tạo điều kiện để huy động sự tham gia và đóng góp của các tổ chức và cá nhân vào việc bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

** Vấn đề việc làm:*

Du lịch được coi là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, do vậy các sản phẩm du lịch cũng trở nên đa dạng và phong phú hơn, đáp ứng nhu cầu của du khách nhiều hoạt động kinh tế như chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, cung ứng các dịch vụ được phát triển, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng.

Du lịch phát triển cũng thúc đẩy việc mở rộng các mô hình kinh doanh nhỏ vốn đầu tư nhỏ không nhất thiết phải có nhiều kỹ năng nghiệp vụ và rất phù hợp với người dân bản địa (chủ yếu là nông dân) như nhà trọ, nhà nghỉ nhỏ và vừa, các quầy hàng lưu niệm...

Tuy nhiên, do nhu cầu sử dụng một diện tích lớn đất đai của các dự án quy hoạch du lịch nên làm suy giảm diện tích đất canh tác, đất rừng làm cho hoạt động sản xuất nông, lâm ngư nghiệp bị suy giảm, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới công ăn việc làm của chính người dân địa phương, bởi hầu hết lao động trong ngành du lịch thường mang tính mùa vụ. Để đảm bảo mức sống cho người lao động các cấp ban ngành của tỉnh Ninh Bình đã có những định hướng chiến lược về làm cho người dân bản địa như: thu hút lao động làm việc trong các doanh nghiệp, các xưởng thủ công mỹ nghệ, khôi phục và bảo tồn làng nghề truyền thống...

** Các vấn đề khác:*

Trong thời gian qua để tạo ta tài nguyên môi trường đa dạng phong phú, hấp dẫn du khách, nhiều dự án quy hoạch du lịch đã có sự đầu tư cho bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá đặc sắc, thu hút được một số lượng khách lớn đã làm cho người dân tăng thêm lòng tự hào về các di sản văn hoá của địa phương, từ đó họ có ý thức hơn, đóng góp nhiều hơn cho việc bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống. Đồng thời cơ hội của người dân được tiếp xúc với nền văn hoá mới, nhiều tục lệ lạc hậu của địa phương được loại trừ... cùng với

sự đầu tư cho các dự án quy hoạch du lịch thì việc đảm bảo môi trường trật tự an toàn cho du khách cũng được chú trọng nhiều hơn. Như vậy, không thể phủ nhận những tác động tích cực của sự phát triển du lịch đem lại, nhưng bên cạnh những tác động tích cực đó vẫn tồn tại những tác động tiêu cực cần sự tác động của các cấp sở ban ngành của tỉnh quan tâm nhiều hơn nữa như: giá cả tăng cao đặc biệt đặc biệt là bất động sản ở địa phương gây khó khăn về nhu cầu nhà ở cho nhân dân, việc gia tăng các phương tiện giao thông vào mùa du lịch, ngày lễ, ngày cuối tuần làm tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm không khí và tiếng ồn, hệ thống giao thông nhanh xuống cấp,... Đặc biệt các giá trị văn hoá truyền thống nếu không được nhận thức đúng đắn thì dễ dàng bị thương mại hoá hoạt động văn hoá truyền thống...

2.3. Đánh giá chung về tình hình phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2000 - 2011

2.3.1. Những thành công chủ yếu:

2.3.1.1. Du lịch Ninh Bình đang ngày càng trở thành ngành kinh tế quan trọng:

Ninh Bình là một địa phương nằm trong vùng đồng bằng Sông Hồng, sự phát triển kinh tế - xã hội Ninh Bình trong một thời gian dài dựa trên kinh tế truyền thống là nông nghiệp. Tuy nhiên, Ninh Bình có tài nguyên du lịch tự nhiên phong phú và hấp dẫn, đặc biệt có vùng núi đá vôi với các hang động xuyên thủy và hệ sinh thái độc đáo như Cố đô Hoa Lư được hình thành và lưu giữ hàng nghìn năm. Đồng thời, cùng với sự phát triển và chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Đất nước, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Ninh Bình cũng đã xác định vai trò của công nghiệp và dịch vụ, trong đó du lịch được đánh giá là ngành kinh tế có nhiều triển vọng. Thực tế trong những năm từ năm 2000 đến nay số lượt khách đến Ninh Bình tăng từ 401.516 lượt lên 3.600.000 lượt vào năm 2011, tăng gấp 8,97 lần, trong đó số lượt khách quốc

tế tăng từ 82.778 lượt năm 2000 lên 667.440 lượt năm 2011 (năm 2011 tăng gấp 8,06 lần so với năm 2000).

Doanh thu du lịch cũng đã tăng đáng kể năm 2000 đạt 28 tỷ đồng, đến năm 2011 đạt 632,542 tỷ đồng (doanh thu năm 2011 tăng gấp 22,59 lần so với năm 2000), chiếm 2,798% tổng giá trị sản phẩm trên toàn tỉnh. Đồng thời đóng góp vào ngân sách nhà nước năm 2000 là 3,5 tỷ đồng tăng lên 63 tỷ đồng vào năm 2011.

Từ năm 2000 có 5.500 lao động hoạt động trong ngành du lịch, đến năm 2011 có 7.951 lao động, tăng 44,56%, tỷ lệ lao động có trình độ Đại học – Cao đẳng tăng gấp 15 lần so với năm 2000. Chất lượng nguồn lao động trong lĩnh vực du lịch tăng cao góp phần tạo sự đa dạng và phong phú hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách. Đồng thời, tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho người dân, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng.

2.3.1.2. Du lịch phát triển góp phần nâng cao đời sống tinh thần và ổn định xã hội.

Du lịch Ninh Bình đã có bước phát triển khá nhanh, đang dần trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng các mối quan hệ, hợp tác của tỉnh, làm thay đổi hình ảnh Ninh Bình trong nhận thức của bạn bè trong nước và quốc tế. Toàn tỉnh luôn duy trì được 74 lễ hội lớn nhỏ, lễ hội lớn nhất và thu hút nhiều du khách nhất đó là lễ hội truyền thống Cố Đô Hoa Lư mang đậm bản sắc địa phương, là hành trình tìm về cội nguồn dân tộc. Các nghi lễ là sự mô phỏng, tôn vinh những giá trị văn hoá trong thời kỳ Đinh - Tiền Lê… Bên cạnh việc khôi phục lại các nghi lễ truyền thống là những trò chơi dân gian: đấu vật, bắn nỏ, bắn cung, cờ người... Các hoạt động văn hoá như: diễn tích "Cờ lau tập trận", diễn tích "Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế", Hội trại văn

hoá dân tộc, Hội thi người đẹp kinh đô Hoa Lư, thi mâm ngũ quả tiến vua, thu thư pháp, thi giọng hát chèo hay... được du khách đánh giá rất cao và người dân nhiệt tình tham gia đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần và ổn định xã hội.

2.3.1.3. Phát triển du lịch đã gắn với việc bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, bảo vệ môi trường.

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp. Phát triển du lịch theo hướng bền vững là trách nhiệm của mỗi người dân, nhận thức được điều đó các cấp, các ngành, các địa phương đã luôn chú trọng phát triển du lịch nhưng phải gắn liền với bảo tồn di tích lịch sử văn hóa, bảo vệ môi trường. Từ việc xây dựng, xét duyệt các dự án, các chương trình, các kế hoạch phát triển du lịch phải đảm bảo việc khai thác, đi đôi với tôn tạo các nguồn phát triển du lịch có hiệu quả, hợp lý. Trong thời gian qua các khu di tích lịch sử đã được đầu tư cho việc khôi phục, tôn tạo những giá trị văn hóa lịch sử như: Khu du lịch Tràng An, Cố đô Hoa Lư…các loại hình du lịch thân thiện với môi trường như: du lịch sinh thái, tích cực ứng dụng công nghệ làm sạch môi trường, giảm tiêu thụ năng lượng, nước sạch, tái sử dụng chất thải tại các cơ sở kinh doanh du lịch như: Vân Long, Kênh Gà – Vân Trình…

** Nguyên nhân của những thành công:*

- Tính đa dạng về tài nguyên du lịch: Ninh Bình có tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú (các di tích lịch sử văn hóa, các danh lam thắng cảnh, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, nguồn khoáng nước nóng…như Tam Cốc – Bích Động, khu hang động sinh thái Tràng An, Vườn quốc gia Cúc Phương, Khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long,…

Sản phẩm du lịch không trùng lặp với sản phẩm du lịch nhiều địa phương khác trong khu vực, đặc biệt là những địa phương phụ cận như Hà Nam, Nam Định, Thanh Hóa. Điều này tạo cho du lịch Ninh Bình có được

sức hấp dẫn du lịch riêng là yếu tố quan trọng đối với phát triển du lịch Ninh Bình trong bối cảnh hiện nay của du lịch Việt Nam, khi mà tình trạng "trùng lặp" về sản phẩm du lịch đang là yếu tố cản trở sự phát triển, làm hạn chế tính hấp dẫn du lịch củaViệt Nam nói chung, du lịch các "vùng miền" và các địa phương nói riêng.

- Hạ tầng du lịch phát triển: Ninh Bình là một địa phương nằm trên trục giao thông Bắc Nam được Chính Phủ quan tâm đầu tư nâng cấp nên hạ tầng du lịch nói riêng của Ninh Bình đã có những bước phát triển vượt bậc. Khu du lịch Tam Cốc – Bích Động là một trong 20 khu du lịch chuyên đề của quốc gia đã được sự quan tâm rất lớn của Chính Phủ hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, đặc biệt là hệ thống giao thông, vì vậy hệ thống hạ tầng giao thông du lịch của Ninh Bình đến các trọng điểm du lịch trên địa bàn khá đồng bộ và phát triển, từ quốc lộ 1A du khách có thể tiếp cận dễ dàng tới các khu vực có tiềm năng du lịch như cố đô Hoa Lư, Tràng An, Tam Cốc - Bích Động, Cúc Phương, Vân Long, Tam Điệp. Hệ thống giao thông đường thủy cũng là thế mạnh của Ninh Bình do vậy nhiều điểm du lịch có thể tiếp cận bằng đường thủy.

- Hình ảnh về du lịch Ninh Bình được nhiều người biết đến: với nhiều địa danh nổi tiếng như: thắng cảnh Tam Cốc - Bích Động, quần thể di tích cố đô Hoa Lư, Cúc Phương vườn Quốc gia đầu tiên ở Việt Nam với hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới với điển hình còn được bảo tồn khá nguyên vẹn, hình ảnh khu bảo tồn đất ngập nước với cảnh quan đặc sắc như "Hạ Long trên cạn"... Trong nhiều năm gần đây Tam Cốc - Bích Động, cố đô Hoa Lư, Cúc Phương, Vân Long, Tràng An, Bái Đính luôn là những điểm du lịch được du khách quan tâm.

- Trong hoạt động phát triển du lịch "khoảng cách" đặc biệt là khoảng cách bằng đường bộ cùng với chất lượng đường giao thông từ trung tâm phân

phối khách đến (Thủ đô Hà Nội) "điểm đến" được xem là yếu tố quan trọng, Ninh Bình cách Thủ đô Hà Nội khoảng 90km, thời gian đi bằng đường bộ từ Hà Nội đến Ninh Bình chỉ mất trên 1giờ, do vậy có thể khẳng định đây chính là điểm mạnh của du lịch Ninh Bình.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân.

** Những hạn chế:*

Các chỉ tiêu về lĩnh vực du lịch tuy hoàn thành vượt mức so với kế hoạch, nhưng chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, chất lượng dịch vụ du lịch chưa đáp ứng yêu cầu của khách, sản phẩm du lịch còn đơn điệu chưa phong phú, số lượng khách quốc tế còn ít. Hầu hết các doanh nghiệp mới chỉ chú trọng đến kinh doanh lưu trú chưa quan tâm đến các dịch vụ bổ sung. Do đó, việc giữ khách lưu trú tại Ninh Bình còn hạn chế. Tình hình trật tự trị an, vệ sinh môi trường, thực hiện nếp sống văn minh du lịch ở một số khu, điểm du lịch còn nhiều hạn chế.

** Nguyên nhân của những hạn chế:*

- Hạn chế về đội ngũ lao động: Trong những năm gần đây, hệ thống các cơ sở dịch vụ, đặc biệt là cơ sở lưu trú của khối doanh nghiệp tư nhân phát triển nhanh chóng, sự phát triển này đã có những đóng góp tích cực vào việc cải thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch của Ninh Bình, tuy nhiên cũng đã tạo thêm gánh nặng cho du lịch Ninh Bình về một đội ngũ lao động có chất lượng còn chưa đồng đều. Phần lớn các chủ doanh nghiệp, các nhân viên phục vụ chưa được qua đào tạo cơ bản về quản lý và nghiệp vụ du lịch, điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, sức hấp dẫn của sản phẩm du lịch Ninh Bình.

- Hạn chế về cơ sở vật chất kỹ thuật (đặc biệt là hệ thống khách sạn, các dịch vụ ngân hàng, vui chơi giải trí). số lượng, chất lượng khách sạn tại các điểm du lịch còn chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách, nhất là những

khách sạn đạt tiêu chuẩn 3-4 sao còn rất hiếm hoi, các khu vui chơi tầm cỡ chưa được đầu tư.

- Hạn chế về sản phẩm du lịch, có sự chồng chéo về sản phẩm giữa khu, điểm du lịch và có sự hạn chế trong hoạt động marketing xúc tiến quảng bá du lịch so với yêu cầu phát triển: Việc đầu tư để xây dựng một số sản phẩm đặc trưng của du lịch Ninh Bình được xác định trong các quy hoạch tổng thể như du lịch làng quê, du lịch sinh thái với việc khai thác các giá trị của hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới ở Cúc Phương, hệ sinh thái đất ngập nước Vân Long với việc quan sát Voọc quần đùi trắng, du lịch làng nghề, tham quan nhà thờ đá Phát Diệm, du lịch mạo hiểm của Cúc Phương... vẫn chưa được quan tâm thỏa đáng.

Hoạt động marketing xúc tiến quảng bá du lịch của Ninh Bình cho đến nay vẫn chưa có được một chiến lược cụ thể vì vậy các hoạt động trong thời gian qua chỉ mang tính "tình thế" và dựa vào nguồn ngân sách vốn rất hạn hẹp của địa phương cũng như từ sự hỗ trợ của Chương trình Hành động Quốc gia về Du lịch.

- Tính mùa vụ trong hoạt động du lịch: Du lịch Ninh Bình mang tính "mùa vụ" rất rõ rệt, do chịu ảnh hưởng của đặc điểm khí hậu nhiệt đới, "mùa" lễ hội, "mùa" nghỉ hè của học sinh, sinh viên, "mùa" du lịch của khách du lịch quốc tế... theo số liệu thống kê, nếu như trong mùa du lịch cao điểm lượng khách du lịch đến Ninh Bình chiếm 67% tổng lượng khách trong năm, công suất sử dụng phòng trung bình 58%. Tính mùa vụ trong du lịch Ninh Bình cần phải được hạn chế để nâng cao hiệu quả của nguồn vốn đầu tư vào du lịch.

CHƯƠNG 3
QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở TỈNH NINH BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN 2012-2020

3.1. Quan điểm, phương hướng và mục tiêu phát triển du lịch ở tỉnh Ninh Bình đến năm 2020.

3.1.1. Quan điểm phát triển du lịch ở Ninh Bình

- Xác định du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp liên quan đến toàn xã hội. Do đó, phát triển du lịch là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân.

- Phát triển du lịch bền vững, từng bước đưa du lịch sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy nhiều ngành, nhiều lĩnh vực cùng phát triển.

- Coi trọng tính hiệu quả, tập trung đầu tư vào các lĩnh vực lưu trú, vui chơi giải trí, làng nghề, mua sắm, ẩm thực…nhằm thu hút khách du lịch, kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của du khách để tăng thu nhập từ du lịch.

- Phát triển du lịch phải gắn với Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với an ninh, quốc phòng và giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa người dân địa phương với doanh nghiệp kinh doanh du lịch và Nhà nước.

- Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động du lịch, nâng cao vai trò quản lý nhà nước về du lịch; gắn phát triển du lịch với giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo.

3.1.2. Phương hướng, mục tiêu.

** Phương hướng:* Huy động các nguồn lực, tập trung khai thác hợp lý tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn, xây dựng Ninh Bình trở thành một

trong những trung tâm du lịch trọng điểm của cả nước, đưa du lịch từng bước thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh..

** Mục tiêu:*

- Phấn đấu đến năm 2015 đón 4.000.000 lượt khách du lịch trở lên, trong đó có 1.000.000 lượt khách quốc tế; thu hút 900.000-1.000.000 lượt trở lên khách lưu trú tại Ninh Bình, trong đó có 350.000-400.000 khách quốc tế. Từ năm 2015 trở đi, tốc độ tăng trưởng khách du lịch bình quân 10%/năm.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng cho du lịch, đặc biệt chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở lưu trú từ 3 sao trở lên. Ưu tiên đầu tư xây dựng các khách sạn, khu nghỉ dưỡng (Resort) từ 3-5 sao. Phấn đấu đến năm 2015, tổng số khách sạn, khách sạn nghỉ dưỡng từ 3-5 sao tăng thêm so với năm 2011 là 10 khách sạn với 1.000 phòng. Đồng thời quan tâm phát triển các làng du lịch, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê để phát triển loại hình du lịch ở nhà dân (Homestay).

- Hoàn chỉnh đầu tư xây dựng và phương thức quản lý các khu du lịch lớn. Từ nay đến năm 2015 tập trung hoàn chỉnh khu Tràng An, chùa Bái Đính, Cố đô Hoa Lư và sông Sào Khê, Kênh Gà-Vân Trình, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, sân golf, khu du lịch hồ Đồng Thái, Tam Cốc-Bích Động, Thung Nắng, Hang Bụt…

- Đào tạo nghề và tạo việc làm cho người lao động: đến năm 2015, lao động trực tiếp trong ngành du lịch là 8.000-10.000 người (năm 2009 là 1.000 lao động), lao động gián tiếp là 20.000 người (năm 2009 là 5.350 lao động).

- Thu nhập từ du lịch đến năm 2015 đạt 1.500 tỷ đồng, các năm tiếp theo tăng trưởng bình quân 15%/năm.

3.2. Một số giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới.

3.2. 1.Hoàn chỉnh công tác quy hoạch, đồng thời tổ chức, quản lý và thực hiện quy hoạch

Quy hoạch là một nhiệm vụ quan trọng trong suốt quá trình phát triển du lịch của mỗi quốc gia, mỗi địa phương, và thường được quan tâm, thực hiện đi trước một bước. Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh, quan tâm xây dựng các dự án, các chương trình, các kế hoạch phát triển sao cho khai thác, tôn tạo các nguồn lực phát triển du lịch có hiệu quả, hợp lý và góp phần thúc đẩy ngành du lịch phát triển bền vững. Thực tế cho thấy những quốc gia đầu tư cho việc lập và thực hiện quy hoạch phát triển du lịch đúng đắn, hợp lý sẽ có ngành du lịch phát triển đạt hiệu quả bền vững cả về môi trường và kinh tế - xã hội như: Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Trung Quốc, Italia... là những quốc gia phát triển du lịch hàng đầu thế giới có sự quan tâm, đầu tư cao cho công tác quy hoạch phát triển du lịch. Chính vì vậy, tổ chức, quản lý và thực hiện quy hoạch có ý nghĩa rất lớn trong việc đảm bảo cho sự thành công của du lịch tỉnh Ninh Bình trong hiện tại và tương lai.

** Xây dựng các quy hoạch chi tiết phát triển du lịch*

- Quy hoạch các khu du lịch, các điểm du lịch: Hoàn thiện quy hoạch các khu du lịch lớn của tỉnh như: Tràng An, Tam Cốc - Bích Động, Vân Long, Kênh Gà - Vân Trình, Hồ Đồng Chương, Cố đô Hoa Lư, Thung Nắng, Hang Bụt.

- Quy hoạch vùng núi đá vôi phục vụ du lịch: Xác định ranh giới quy hoạch và tiếp tục quản lý chặt chẽ quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, đặc biệt là vùng nguyên liệu cho các nhà máy xi măng và các vùng du lịch.

- Quy hoạch hệ thống giao thông phục vụ du lịch nằm trong quy hoạch tổng thể giao thông Ninh Bình bao gồm hệ thống giao thông đường bộ, đường thuỷ, vị trí xây dựng sân bay, nhà ga đường sắt khi có đường sắt cao tốc qua Ninh Bình

- Quy hoạch hệ thống làng nghề phục vụ du lịch, hệ thống thương mại phục vụ du lịch như: các siêu thị, nhà hàng, điểm mua sắm... hệ thống cấp nước, hệ thống xử lý rác thải, hệ thống nhà vệ sinh đạt chuẩn...

- Quy hoạch các vùng chuyên sản xuất chế biến rau an toàn, hoa quả và thực phẩm phục vụ du lịch.

** Công tác tổ chức, quản lý quy hoạch*

- Kiện toàn bộ máy làm việc trong ngành du lịch của tỉnh: tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, hoàn thiện và nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý Nhà nước về du lịch, các cơ quan chuyên môn.

- Nâng cao vai trò hoạt động của Ban chỉ đạo về phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình, cụ thể trong việc: Phối hợp quản lý khai thác và bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch; lồng ghép các quy hoạch, dự án chuyên ngành có liên quan như quy hoạch giao thông, phát triển đô thị, bảo tồn và phát triển văn hoá, trồng rừng, xoá đói giảm nghèo... tích cực ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý phát triển du lịch; xây dựng đội ngũ cán bộ du lịch có năng lực phù hợp đáp ứng được nhu cầu quản lý và phát triển du lịch trong tiến trình hội nhập với khu vực và quốc tế; đầu tư phát triển sản phẩm du lịch, xúc tiến quảng bá du lịch, khai thác và bảo vệ tài nguyên môi trường, quản lý sử dụng đất đai, cơ sở hạ tầng...

- Thành lập Hiệp hội du lịch hoặc các hội nghề chuyên ngành du lịch như Hiệp hội các cơ sở lưu trú, lữ hành, hướng dẫn viên, hiệp hội đầu bếp...

- Thành lập các văn phòng đại diện về du lịch Ninh Bình ở các thành phố trọng điểm trong nước và ở nước ngoài.

** Công tác thực hiện quy hoạch*

- Xác định ranh giới quy hoạch du lịch cụ thể trên địa bàn các trọng điểm (Khu/Cụm) du lịch đã được xác định, quản lý.

+ Tiếp tục có chính sách thu hút các nguồn nhân lực trẻ có trình độ chuyên ngành về du lịch. Thực hiện chính sách "Trải thảm đỏ" của tỉnh, ngành du lịch đã chủ động để xuất tuyển dụng thu hút những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi vào công tác trong các đơn vị quản lý du lịch của tỉnh.

+ Cần làm tốt công tác liên kết trong đào tạo, tập trung vào các lĩnh vực: Lễ tân, buồng, bar, kỹ thuật chế biến món ăn, thuyết minh viên, bán hàng, chụp ảnh, vận chuyển hành khách. Để khắc phục tình trạng thiếu nguồn nhân lực trước mắt có thể lựa chọn cả phương án đào tạo ngắn hạn. Cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các lớp năng khiếu văn hoá nghệ thuật, nhất là các bộ môn nghệ thuật truyền thống, Nghiên cứu thành lập Khoa Du lịch tại trường Đại học Hoa Lư (Hiện nay là Khoa Xã hội – Du lịch).

+ Tài nguyên du lịch Ninh Bình thường gắn liền với đời sống của cộng đồng dân cư địa phương. Phát triển du lịch phải dựa vào cộng đồng dân cư địa phương, do đó cần phải tổ chức, đào tạo và bồi dưỡng kiến thức cộng đồng về phát triển du lịch. Từ đó, góp phần nâng cao nhận thức của người dân và tạo điều kiện cho họ cùng tham gia các hoạt động du lịch tại địa phương, nhằm tăng cường ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá, văn minh du lịch và bảo vệ môi trường cảnh quan du lịch, tài nguyên du lịch tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

3.2.2. Quan tâm đến cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư du lịch

Cơ chế chính sách có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế, trong đó có ngành du lịch, để đảm bảo sự phát triển du lịch Ninh Bình theo hướng bền vững cần có những cơ chế chính sách sau:

** Cơ chế chính sách về thị trường:*

- Thị trường trong nước: Có chính sách phù hợp để khai thác hiệu quả thị trường khách ở các đô thị, khu công nghiệp tập trung nơi dân cư có thu nhập cao hơn và có thời gian nhàn rỗi nhiều hơn. Có thể có những chính sách và cơ chế phù hợp với giá cả và các điều kiện khác để khai thác tốt thị trường khách hết sức lớn ở các vùng nông thôn đến các khu du lịch tâm linh, sinh thái ...

- Thị trường nước ngoài: Cần có sự nghiên cứu trình Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách cải tiến thủ tục xuất nhập cảnh, thủ tục hải quan đối với các thị trường tiềm năng như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Trung Quốc và các nước ASEAN ... Nhằm tạo môi trường thuận lợi đối với du lịch quốc tế khi đến Ninh Bình cần có những chính sách đảm bảo đáp ứng tốt nhất các dịch vụ: bảo hiểm, dịch vụ, ngân hàng ...

** Chính sách thuế đặc thù của địa phương:*

Để tăng thời gian lưu trú của khách, tăng vốn đầu tư, hấp dẫn với cộng đồng dân cư cần có những cơ chế chính sách thuế đặc thù của địa phương như: ưu tiên, miễn giảm thuế, không thu thuế có giới hạn nhằm thay đổi cơ cấu đầu tư. Đặc biệt dịch vụ du lịch tại huyện Kim Sơn và thị xã Tam Điệp.

** Chính sách đầu tư:*

Để thu hút các nguồn vốn đầu tư cần đơn giản hoá các thủ tục hành chính, có chính sách khuyến khích đảm bảo an toàn cho các nguồn vốn đầu tư. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, các chủ thể địa lý hành chính, chủ thể có quyền sử dụng đất, tài nguyên du lịch được trực tiếp hoặc cùng phối hợp khai thác, đầu tư, kinh doanh du lịch không giới hạn ở các ngành chuyên môn, từng bước thực hiện công tác xã hội hóa du lịch nhằm khai thác tối đa các nguồn lực.

3.2.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá du lịch

Hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch có ý nghĩa quan trọng, tác động trực tiếp đến khách hàng và thị trường, tạo ra tâm lý hưởng ứng, hướng tới sản phẩm du lịch một các nhanh nhất. Trước hết, cần nâng cao nhận thức mọi mặt về du lịch trong các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và cộng đồng dân cư tham gia phát triển du lịch.

- Thiết lập hệ thống các trung tâm hướng dẫn và cung cấp thông tin cho khách du lịch ở những đầu mối giao thông quan trọng; và các thị trường trọng điểm.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, phối hợp các thông tin cơ quan đại chúng như: Internet, báo chí, đài phát thanh, truyền hình Trung ương và địa phương kể cả các kênh truyền hình quốc tế... các lực lượng thông tin đối ngoại, đặt các văn phòng xúc tiến du lịch tại các thị trường trọng điểm; tranh thủ hỗ trợ quốc tế để xúc tiến quảng bá du lịch.

Thực hiện xã hội hoá hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch bằng cách phát hành cuốn dư địa chí, Bản đồ, tờ gấp, phim ảnh tư liệu, băng hình, băng nhạc... biên soạn và sưu tập, phát hành các truyền thuyết, giai thoại... để giới thiệu rộng rãi về thiên nhiên, cảnh quan, con người và những giá trị lịch sử của Ninh Bình.

- Thực hiện các chương trình thông tin tuyên truyền, công bố các sự kiện thể thao, văn hoá, lễ hội lớn của tỉnh trên phạm vi toàn quốc; tổ chức các chiến dịch xúc tiến, sự kiện quảng bá, phát động thị trường theo chuyên đề; tổ chức và tham quan hội trợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo du lịch để giới thiệu rộng rãi tiềm năng du lịch của tỉnh, kích thích nhu cầu du lịch trong nước và quốc tế.

- Cách tiếp thị, quảng bá tốt nhất là từ chính các du khách sau khi đi du lịch về tuyên truyền, giới thiệu cho người thân, bạn bè về các điểm du lịch.

Do vậy, các sản phẩm du lịch cần phải độc đáo, đa dạng, chất lượng và phương thức phục vụ tốt, giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu khách hàng.

3.2.4. Bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch:

Sự phát triển bền vững luôn luôn gắn liền với vấn đề bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường có ý nghĩa đặc biệt đối với sự tồn tại và phát triển của ngành du lịch. Để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của du lịch cần thực hiện một số giải pháp sau:

** Đối với môi trường tự nhiên*

- Trong các phương án khai thác tài nguyên phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội phải được cân nhắc kỹ lưỡng trên cơ sở những luận cứ khoa học vững chắc, có tính đến quan hệ với các ngành, lĩnh vực kinh tế có liên quan và có tác động đến môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội của khu vực. Cụ thể đối với ngành du lịch cần đẩy mạnh triển khai thực hiện Luật bảo vệ môi trường, thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động môi trường trong công tác quy hoạch phát triển du lịch và thẩm định các dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Quy định bắt buộc việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với một dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

- Khuyến khích phát triển các loại hình du lịch thân thiện với môi trường như: du lịch sinh thái, tích cực ứng dụng công nghệ làm sạch môi trường, giảm tiêu thụ năng lượng, nước sạch và tái sử dụng chất thải tại các cơ sở kinh doanh du lịch. Đẩy mạnh việc quản lý chất thải theo chiến lược 3R (tái sử dụng, giảm xả thải, và tái chế). Tổ chức hướng dẫn, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường, có thể đưa nội dung giáo dục môi trường du lịch vào trường phổ thông.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát hệ thống xử lý chất thải, ô nhiễm môi trường tại các khu, điểm du lịch. Để thực thi có hiệu quả các quy định có tính pháp lý cần xây dựng các quy định cụ thể tại từng địa phương và

tại các khu điểm du lịch, mọi hành vi vi phạm pháp luật, ảnh hưởng xấu đến môi trường đều phải bị xử lý.

** Đối với môi trường xã hội và nhân văn*

- Thường xuyên tuyên truyền quảng cáo và giáo dục dân trí: Đây là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm và sự cần thiết phải phát triển du lịch cũng như các tác động và đóng góp tích cực của ngành du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuyên truyền, giáo dục của ngành ý thức cộng đồng, đặc biệt là cho nhân dân vùng dự án, là người trực tiếp tham gia các hoạt động liên quan đến du lịch về văn hoá giao tiếp, thái độ ân cần, lịch thiệp, niềm nở, thân thiện, tạo ấn tượng tốt đẹp cho du khách, giữ gìn môi trường du lịch. Khuyến khích và tạo điều kiện để huy động sự tham gia và đóng góp của các tổ chức và cá nhân vào việc bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch, đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Lồng ghép việc đào tạo và giáo dục về tài nguyên và môi trường du lịch trong chương trình giảng dạy của hệ thống đào tạo các cấp. Nâng cao nhận thức về việc bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch cho khách du lịch và cộng đồng dân cư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Yếu tố con người có vị trí quan trọng hàng đầu nếu không nói là quyết định. Để đảm bảo cho một chiến lược phát triển môi trường bền vững, cần phải có chiến lược tuyên truyền giáo dục, nâng cao dân trí, tạo điều kiện toàn dân biết và tham gia phát triển ngành kinh tế du lịch, đồng thời có chiến lược đào tạo bồi dưỡng để có một đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ có trình độ và hiểu biết cao về các vấn đề môi trường, về mối quan hệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật về du lịch cũng như về các chính sách, quy định của nhà nước trong việc bảo vệ môi trường. Điều này đòi hỏi việc tổ chức các khoá đào tạo môi trường với sự tham gia của các

giảng viên, các nhà khoa học và quản lý môi trường, các chuyên gia có kinh nghiệm nước ngoài trong lĩnh vực môi trường. Lâu dài, cần tiến tới việc tiêu chuẩn hoá trình độ và hiểu biết các vấn đề môi trường đối với cán bộ quản lý các cấp.

- Đảm bảo công tác an ninh trật tự, giảm thiểu các hoạt động trộm cắp, cướp giật của khách du lịch, ăn xin, bán hàng rong tại các điểm du lịch. Phối hợp với các ngành công an tổ chức lực lượng bảo vệ du khách tại các trung tâm du lịch, điểm du lịch có đông khách du lịch. Tổ chức đường dây nóng để khách du lịch cung cấp thông tin kịp thời khi gặp các vấn đề khó khăn để kịp thời giải quyết, đảm bảo an toàn cho khách du lịch.

3.2.5. Phát triển cơ sở hạ tầng

** Mạng lưới và phương tiện giao thông vận tải:*

Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu, giúp du khách di chuyển trên phạm vi nhất định, là yếu tố không thể thiếu. Thông qua mạng lưới giao thông thuận tiện, nhanh chóng du lịch trở thành một hiện tượng phổ biến trong xã hội. Tuy nhiên, mạng lưới giao thông cần được hoàn thiện hơn nữa để giảm bớt thời gian đi lại nhưng lại tăng thời gian nghỉ ngơi và du lịch của du khách.

- Tranh thủ hỗ trợ nguồn vốn của Trung ương và nguồn vốn ngoài ngân sách để tiếp tục hoàn thiện hạ tầng giao thông, khai thác có hiệu quả hệ thống giao thông cho yêu cầu phát triển du lịch.

- Nâng cấp hệ thống giao thông, xây dựng hệ thống đường vành đai nhằm vừa đáp ứng nhu cầu dân sinh, vừa tạo điều kiện khai thác, phát triển du lịch. Trang bị hệ thống biển báo hướng dẫn du lịch để thông tin cho du khách và các phương tiện giao thông vận chuyển khách.

** Thông tin liên lạc:*

Thông tin liên lạc đảm nhận việc vận chuyển các tin tức một cách nhanh chóng, chính xác góp phần giao lưu giữa các vùng trong phạm vi cả

nước và quốc tế. Do vậy, cần xây dựng và thiết lập hệ thống thông tin tại các điểm du lịch, các nút giao thông quan trọng để cung cấp những thông tin hữu ích, kịp thời tới du khách.

** Các công trình cơ sở hạ tầng khác:*

Khách du lịch thường xuyên rời khỏi nơi lưu trú, du khách sẽ đến những địa điểm khác để thực hiện các nhu cầu của mình như: ăn, uống, đi lại... du khách còn có những nhu cầu về dịch vụ khác như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, điện, nước... Để đáp ứng nhu cầu của du khách cần huy động các nguồn vốn xây dựng, tôn tạo cơ sở hạ tầng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của du khách.

3.2.6. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển du lịch

Để đảm bảo sự phát triển nhanh chóng của ngành du lịch tiến tới CNH-HĐH ngành du lịch, tạo khả năng hội nhập với hoạt động phát triển du lịch trên thế giới, việc nghiên cứu ứng dụng các thành tựu KH-CN hiện đại trong ngành du lịch là hết sức quan trọng và cần thiết. Giải pháp về nghiên cứu ứng dụng KH-CN là rất quan trọng có ý nghĩa chiến lược đối với mỗi ngành kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi hàm lượng khoa học và công nghệ trong mỗi sản phẩm xã hội ngày càng cao. Đối với ngành du lịch, các sản phẩm nghiên cứu khoa học sẽ là cơ sở cho công tác quy hoạch phát triển ngành, cho việc hoạch định các chiến lược thị trường, chiến lược đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm, cho việc đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp và cho công tác quản lý.

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển du lịch, chú trọng việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin du lịch, tích cực ứng dụng internet, phát triển phần mềm trong quản lý và kinh doanh du lịch, thúc

đẩy cung cấp thông tin và bán sản phẩm du lịch qua mạng. Công cụ này mang lại những thông tin chính xác trong thời gian ngắn và đặc biệt chi phí thấp.

Cần xúc tiến thương mại điện tử trong ngành du lịch nhằm cho phép tiếp cận thuận tiện tới thông tin du lịch. Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin tại chỗ cho các điểm du lịch chính.

Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch đáp ứng được yêu cầu sự nghiệp phát triển kinh tế. Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ KH-CN vào hoạt động kinh doanh du lịch. Tăng cường hợp tác với các tổ chức khoa học trong và ngoài nước để tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm, tiếp cận với những thành tựu mới, tiên tiến về KH-CN du lịch quốc tế, áp dụng cho du lịch Việt Nam.

KẾT LUẬN

Ninh Bình là vùng đất có nhiều di tích lịch sử, là "địa linh" độc đáo. Đến nay toàn tỉnh có 975 di tích, trong đó có 80 di tích đã được xếp hạng quốc gia. Không những thế, Ninh Bình còn có nhiều " Nhân kiệt" tài ba, bất hủ như: Đinh Tiên Hoàng, Dương Vân Nga, Nguyễn Minh Không, Trương Hán Siêu. Ninh Bình cũng là nơi có nhiều lễ hội truyền thống mang đậm đà bản sắc văn hoá làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nói đến Ninh Bình là nói đến Cố Đô Hoa Lư lịch sử, khu Tam Cốc - Bích Động, vườn quốc gia Cúc Phương, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, suối nước nóng Kênh Gà - động Vân Trình, Nhà thờ đá Phát Diệm, Khu du lịch sinh thái Tràng An. Theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Ninh Bình, toàn tỉnh đã quy hoạch làm 07 khu du lịch chính, đó là:

- Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động - Tràng An - Cố Đô Hoa Lư;
- Khu du lịch Trung tâm TP Ninh Bình;
- Khu du lịch Cúc Phương - Kỳ Phú - Hồ Đồng Chương;
- Khu du lịch suối nước nóng Kênh Gà - Động Vân Trình - Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long - chùa Địch Lộng;
- Khu du lịch phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn;
- Khu du lịch hồ Yên Thắng - hồ Đồng Thái - Động Mã Tiên - cửa Tần Phù;
- Khu du lịch nhà thờ đá Phát Diệm và khu dự trữ sinh quyển ngập mặn Kim Sơn.

Với những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nổi tiếng và những tiềm năng được thiên nhiên ban tặng, Ninh Bình đang khẳng định là điểm đến hấp dẫn, an toàn, thân thiện, mời gọi du khách muôn phương.

Trong thời gian qua du lịch Ninh Bình đã đạt được những thành tựu nhất định trong khai thác tiềm năng, thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong xây dựng hạ tầng, kinh doanh và phát triển du lịch, đem lại nhiều lợi ích như: tăng doanh thu du lịch, giải quyết việc làm, cải thiện cuộc sống cộng đồng dân cư... Tuy nhiên, Du lịch Ninh Bình vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hệ thống giao thông, điện, nước chưa đạt yêu cầu, sản phẩm chưa phong phú, hấp dẫn du khách, quy mô các doanh nghiệp đầu tư cho du lịch chưa lớn... Du lịch Ninh Bình đang đứng trước những cơ hội và thách thức, trong quá trình hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thực tiễn đang đặt ra đòi hỏi vừa phải nắm bắt được cơ hội vừa phải vượt qua thách thức để đưa du lịch phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Nhận thức được sự phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình trong thời gian qua chưa thực sự tương ứng với tiềm năng, nên tác giả mạnh dạn nghiên cứu đánh giá thực trạng du lịch Ninh Bình trong giai đoạn 2000 - 2011 để đề ra mục tiêu, phương hướng, giải pháp phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới.

Trong khuôn khổ một Luận văn Thạc sỹ thì khả năng bao quát toàn diện các vấn đề lớn liên quan đến lĩnh vực phát triển du lịch bền vững không thể tránh khỏi khiếm khuyết. Tuy nhiên, tác giả đã cố gắng trình bày một cách có hệ thống các vấn đề từ thực trạng đến giải pháp. Hy vọng rằng Luận văn này sẽ có đóng góp nhất định vào việc phát triển du lịch bền vững tại Ninh Bình.

Tác giả xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới các thầy giáo, cô giáo của Trung tâm Bồi dưỡng giảng viên Lý luận chính trị - Đại học Quốc gia Hà Nội, Ban giám hiệu trường Đại học Hoa Lư, các Cơ quan, đơn vị của tỉnh Ninh Bình và đặc biệt là Thầy giáo TS. Vũ Đức Thanh đã tận tình giúp đỡ trong hơn một năm qua. Tác giả rất mong nhận được những góp ý quý báu

của các thầy, cô giáo, của các nhà khoa học và những người quan tâm đến đề tài này. Hy vọng rằng tác giả sẽ tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện có hiệu quả để có cơ hội tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về lĩnh vực này./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lã Đăng Bật (2002), *Di tích, danh thắng Ninh Bình*. Văn phòng HĐND & UBND tỉnh Ninh Bình

2. Bộ Chính trị (1998), *Thông báo số 197/TW ngày 11/11/1998, kết luận của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trong tình hình mới,* Hà Nội

3. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (2007), *Văn kiện Hội nghị toàn quốc sơ kết sau 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá trong lĩnh vực Văn hoá, thể thao và du lịch,* Hà Nội

4. Cục Thống kê Ninh Bình (từ 2005 đến 2010), *Niêm giám Thống kê tỉnh Ninh Bình,* Ninh Bình

5. Cục Thống kê Ninh Bình (2005), *Ninh Bình 50 năm xây dựng và phát triển 1955 - 2004,* Ninh Bình

6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam.* NXB Chính trị quốc gia - Hà Nội

7. Đoàn Hiền (2008), *Phát triển du lịch Quảng Ninh: cần quy hoạch kết cấu hạ tầng hợp lý.* Tạp chí Cộng sản, số 13 (1/2008), trang 47

8. Nguyễn Trọng Hoàng (2008), *Một số giải pháp phát triển ngành du lịch ở Đà Lạt - Lâm Đồng.* Tạp chí Cộng sản, số 13 (1/2008), trang 39

9. Nguyễn Đình Hoè, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

10. Đinh Trung Kiên (2003), *Nhgiệp vụ hướng dẫn du lịch,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

11. Hồ Văn Mãn (2008), *Phát triển du lịch - ngành du lịch không khói của Thừa Thiên - Huế.* Tạp chí Cộng sản, số 13 (1/2008), trang 19

11. Trần Thị Mai (2007), *Giáo trình tổng quan du lịch*, NXB Lao động Xã hội Hà Nội

12. Michael El.Porter, Giáo trình" *Chiến lược cạnh tranh"*Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật 1996, Hà Nội

13. Phạm Đình Nhân (2001), *Di tích và danh thắng Ninh Bình*. Trung tâm UNECO thông tin tư liệu lịch sử và văn hoá Việt Nam, Hà Nội

14. Trần Nhoãn (2005), *Tổng quan du lịch*, NXB Trường Đại học Văn hoá Hà Nội

15. Bùi Tiến Quý (2001), *Giao tiếp ứng xử trong hoạt động kinh doanh,* NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội

16. Nguyễn Ngọc Quỳnh (2006), *Những vấn đề môi trường trong phát triển bền vững ở Ninh Bình.* Báo nhân dân số ra ngày 5/02/2006

17. Trần Đức Thanh (2003), *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

18. Nguyễn Xuân Thảo, Lã Đăng Bật (2004), *Xây dựng thành phố Hoa Lư.* NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội

19. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Quyết định số 82/2003/QĐ-TTg ngày 29/04/2003 về việc phê duyệt quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hoá Cố đô Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình,* Hà Nội

20. Nguyễn Trọng Tín (2008), *Du lịch Bà Rịa - Vũng Tàu với chiến lược khai thác tiềm năng, phát triển kinh tế.* Tạp chí Cộng Sản, số 13 (1/2008), trang 43.

21. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2001), *Nghị quyết 03/NQ-TU ngày 18/12/2001 của Ban Thường vụ TU (khoá XIV) và phát triển du lịch đến năm 2010, Ninh Bình*

22. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2006), *Thông báo số 192/TB-TU ngày 28/7/2006 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 03/NQ-TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ninh Bình*

23. Tỉnh uỷ Ninh Bình (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIX - 01/2006, Ninh Bình*

24. Tổng cục Du lịch Việt Nam (2001), *Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010,* Hà Nội

25. Nguyễn Văn Trò (2004)*, Ninh Bình theo dòng lịch sử, văn hoá. NXB* Văn hoá dân tộc, Hà Nội

26. Trường ĐHKTQD Hà Nội (2008), *Giáo trình kinh tế du lịch - NXB Đại học KTQD Hà Nội.*

27. Trường ĐHKTQD Hà Nội (2001), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về kinh tế - NXB Giáo dục,* Hà Nội

28. Phạm Từ (2008), *Phát triển du lịch - Nhìn từ góc độ kinh tế và văn hoá,* Tạp chí Cộng sản - số 13 (1/2008), trang 15

29. UBND tỉnh Ninh Bình (từ 2005 đến 2010), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình,* Ninh Bình

30. UBND tỉnh Ninh Bình (2009), *Báo cáo tổng hợp Quy hoạch Tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình đến năm 2020,* Ninh Bình

31. UBND tỉnh Ninh Bình (2006), *Định hướng chiến lược Phát triển bền vững tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2006 - 2010 về đến năm 2020 (*Văn kiện Chương trình Nghị sự 21), Ninh Bình

32. UBND tỉnh Ninh Bình (2007), *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch từ năm 2007 đến năm 1015, tầm nhìn đến năm 2020,* Ninh Bình

33. UBND tỉnh Ninh Bình (2006), *Quyết định 1556/2006/QĐ-UB ngày 31/07/2006 v/v ban hành ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình,* Ninh Bình

34. UBND tỉnh Ninh Bình, Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2004). *Đề cương chi tiết Địa chí Ninh Bình*, Ninh Bình

35. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật đầu tư.* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

36. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật Doanh nghiệp.* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

37. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật Du lịch*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

Các trang Web:

38. Bộ công thương: www.mot.gov.vn

39. Bộ kế hoạch và đầu tư: www.mpi.gov.vn

40. Đảng cộng sản Việt Nam: www.cpv.org.vn

41. Tổng cục du lịch Việt Nam: www.vietnamtouris.gov.vn

42. Tổng cục thống kê: www.gso.gov.vn

43. www.doanhnghiep24g.com.vn

44. www.thongtindubao.gov.vn

45. www.tiasang.com.vn

46. www.baoninhbinh. org.vn

47. www.ninhbinhtourism.com.vn